

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG LUÂN
TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC VÀ THCS MƯỜNG LUÂN**

**KẾ HOẠCH
GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026**

**ĐƠN VỊ: TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC VÀ THCS MƯỜNG LUÂN
XÃ MƯỜNG LUÂN - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Mường Luân, tháng 9 năm 2025

UBND XÃ MƯỜNG LUÂN
TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC VÀ THCS
MƯỜNG LUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 22/KH-THTHCSML

Mường Luân, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

A. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa– Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học

sinh trung học phổ thông; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT Quy định về việc đánh giá học sinh tiểu học.

Thông tư số 06/2024/TT-BGDĐT ngày 10/4/2024 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông;

Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/2/2022 của Bộ GDĐT v/v ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông;

Thông tư 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26/10/2023 của Bộ GDĐT v/v Hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2028 của Bộ GDĐT về Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn lồng ghép nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQPAN) trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ GDĐT về quy chế xét công nhận TN THCS,

Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT về quy chế tuyển sinh THCS, tuyển sinh THPT;

Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng GD&ĐT quy định dạy thêm, học thêm. Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 6/5/2025 của UBND tỉnh Điện Biên quy định dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT; số 141/SGDĐT-GDTrH ngày 20/01/2021 của Sở GDĐT v/v xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn 2345/BGDĐT-GDTH của Bộ GDĐT ngày 07/6/2021 hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT; số 1924/SGDĐT GDTrH ngày 04/7/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên;

Căn cứ công văn số 4060/BGDĐT-GDPT ngày 17/7/2025; số 3602/UBND-KGVX ngày 22/7/2025 của UBND tỉnh; số 2166/SGD-GDTrH ngày 28/7/2025 của Sở GDĐT về việc tăng cường thực hiện chương trình SGKGDPT năm học 2025-2026;

Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT; số 2540/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2025 của Sở GDĐT v/v hướng dẫn một số nội dung về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông;

Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT; số 1070/SGDĐT-GDTrH ngày 23/4/2024 của Sở GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

Công văn số 115/BGDĐT-GDTrH ngày 10/01/2025 Triển khai thí điểm học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 2180/KH-SGDĐT ngày 13/8/2024 của Sở GDĐT về việc triển khai Học bạ số Ngành Giáo dục để triển khai thực hiện trong toàn tỉnh; Công văn số 283/SGDĐT-QLCL ngày 05/02/2025 của Sở GDĐT về việc điều chỉnh một số nội dung Kế hoạch số 2180/KHSGDĐT ngày 13/8/2024 của Sở GDĐT;

Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông; số 3089/BGDĐT-GDTrH, ngày 14/08/2020 của Bộ GDĐT v/v hướng dẫn một số nội dung thực hiện giáo dục STEM và tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục STEM trong trường trung học;

Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT (Sở GDĐT triển khai tại Công văn số 3563/SGDĐT-GDTrH ngày 20/12/2024)

Công văn số 2321/SGDĐT-GDTrH ngày 06/8/2025 của Sở GDĐT về hướng dẫn SHCM năm học 2025-2026;

Kế hoạch UBND tỉnh: số 1584/KH-UBND ngày 17/6/2021 về PCGD-XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030; Sở GDĐT: số 2366/SGDĐT-GDTrH ngày 11/8/2025 về việc tiếp tục thực hiện công tác PCGD-XMC năm 2025;

Công văn số 2604/SGDĐT-GDTrH ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đối với giáo dục trung học năm học 2025-2026;

Công văn 2611/SGDĐT-QLĐT ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2025 của BGDĐT ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Nghị quyết Đảng bộ xã Mường Luân nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết chi bộ trường PTDTBT-Tiểu học và THCS Mường Luân nhiệm kỳ 2022-2025; Kế hoạch chiến lược của nhà trường giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030;

B. BỐI CẢNH GIÁO DỤC CỦA ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHÀ TRƯỜNG

I. Bối cảnh bên ngoài

1. Thời cơ

Xã Mường Luân cách trung tâm tỉnh Điện Biên khoảng 75 km, nằm trên trục đường Quốc lộ 12b kết nối giữa tỉnh Điện Biên với tỉnh Sơn La và các tuyến đường giao thông huyết mạch đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương, phát triển kinh tế - xã hội. Địa hình chủ yếu là đồi núi, đất đai khá màu mỡ, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, ngô và các cây hoa màu. Trong những năm gần đây, nền kinh tế xã Mường Luân tương đối ổn định, có những bước phát triển mới. Vì vậy việc đầu tư cho công tác giáo dục của địa phương đối với nhà trường được quan tâm.

Xã Mường Luân là một địa bàn có truyền thống hiếu học, học sinh tích cực tự giác rèn luyện và học tập, đời sống kinh tế xã hội của nhân dân trên địa bàn đang có những bước phát triển và thay đổi mạnh mẽ góp phần hỗ trợ đắc lực cho công tác giáo dục của nhà trường.

Nhận thức của nhân dân về vai trò của học tập đối với tương lai của con em đã thay đổi; phụ huynh thường xuyên phối hợp với nhà trường để quản lý, giáo dục học sinh. Yêu cầu của phụ huynh học sinh về chất lượng giáo dục cũng đòi hỏi cao hơn. Phụ huynh học sinh tin tưởng chất lượng giáo dục của nhà trường; vị thế của nhà trường được nâng lên trong nhận thức của cộng đồng.

Công tác giáo dục của nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các đoàn thể, Hội cha mẹ học sinh, sự chỉ đạo sát sao Sở GDĐT tỉnh Điện Biên; sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân các dân tộc trên địa bàn về việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng điều kiện hoạt động dạy và học.

Chương trình GDPT 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường. Sự phát triển mạnh mẽ của CNTT 4.0, sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường do đó toàn xã hội cùng với phụ huynh học sinh đã nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới CTGDPT.

Thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi số trong quản lý, quản trị và các hoạt động giáo dục. Khả năng tiếp cận công nghệ thông tin của đội ngũ tốt hơn. Các lực lượng xã hội tích cực tham gia vào các hoạt động, tạo được nguồn lực mạnh mẽ hỗ trợ cho công tác giáo dục của nhà trường.

Các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường sẵn sàng tham gia hỗ trợ các nguồn lực cho công tác giáo dục của nhà trường.

2. Thách thức

Trường đóng trên địa bàn vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đời sống vật chất của nhân dân ở một số bản còn thấp. Dân trí, nhận thức của một bộ

phận nhân dân trên địa bàn xã về công tác giáo dục còn hạn chế, chưa quan tâm nhiều đến việc phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục, còn phó mặc cho nhà trường, còn hiện tượng học sinh đi học chưa chuyên cần, bỏ học giữa chừng; ý thức rèn luyện chưa cao, điều đó có tác động trực tiếp đến kết quả giáo dục của nhà trường.

Tỉ lệ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt như bố, mẹ ly hôn; bố mẹ đi cải tạo, mồ côi, khuyết tật trí tuệ có xu hướng tăng lên.

Sự đòi hỏi của xã hội và cha mẹ học sinh ngày càng cao về chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo của trường.

Môi trường ngoài nhà trường tác động rất lớn đến việc học tập và giáo dục hành vi đạo đức của học sinh; các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng và đạo đức của một bộ phận thanh thiếu niên sa sút ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giáo dục của nhà trường.

Việc thực hiện chương trình GDPT 2018 đòi hỏi năng lực đáp ứng của đội ngũ viên chức ngày càng cao. Bên cạnh đó, việc chuẩn hóa trình độ chuyên môn nghiệp vụ bắt buộc mỗi viên chức tự nâng cao năng lực tự học bằng các hình thức học tập đa dạng hơn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại, trình độ ngoại ngữ đòi hỏi đội ngũ viên chức phải có năng lực chuyên môn cao.

Công tác hướng nghiệp, thực hiện phân luồng học sinh sau THCS, THPT thực hiện hiệu quả chưa cao, còn hạn chế và bất cập; tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT đi học nghề còn thấp. Tình trạng sinh viên ra trường không có việc làm, học sinh học xong THPT không tìm được việc làm phù hợp đã tác động không nhỏ đến tư tưởng của phụ huynh và học sinh.

II. Bối cảnh bên trong

1. Thuận lợi

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Tương đối đủ về số lượng tổng số CBGVNV: 43 (trong đó: CBQL: 4; Giáo viên: 35; nhân viên: 4). Cơ cấu, phân bổ đội ngũ giáo viên cho các môn học tương đối đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trong nhà trường.

Trình độ đào tạo 97,4% CBQL, GV có trình độ đạt chuẩn theo quy định Luật giáo dục 2019 (Trong đó: 01 GV trình độ Thạc sĩ). Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp trồng người, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, có nghiệp vụ tay nghề vững vàng đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Nhiều giáo viên có trình độ chuyên môn giỏi và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy.

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng mới, tu sửa khang trang đáp ứng được nhu cầu dạy và học, đủ phòng học tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, có

sân chơi bãi tập, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn. Trang thiết bị dạy và học cơ bản đáp ứng yêu cầu, có các phòng học bộ môn cơ bản đáp ứng cho công tác đổi mới phương pháp dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Học sinh nhà trường có truyền thống hiếu học, chăm ngoan, tích cực tự giác rèn luyện và học tập.

2. Khó khăn

2.1. *Đội ngũ giáo viên*

Hiện tại nhà trường đang thiếu 04 GV theo biên chế, chưa có GV được đào tạo để giảng dạy bộ môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí; Thiếu loại hình chuyên môn (Mỹ thuật, GDTC, Tiếng Anh) và 01 giáo viên văn hóa cấp Tiểu học; năng lực chuyên môn nghiệp vụ chưa thật sự đồng đều, vẫn còn một vài giáo viên hạn chế trong công tác bồi dưỡng HSG, chưa dành nhiều thời gian nghiên cứu, học hỏi đồng nghiệp. Vì vậy việc phân công, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn. Nhân viên chưa đủ theo VTVL, thiếu nhân viên phục vụ và bảo vệ.

Một số giáo viên khả năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn dạy - học, sử dụng hồ sơ điện tử còn hạn chế; chưa tích cực chủ động tự học tự bồi dưỡng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá người học.

2.2. *Nguồn lực và cơ sở vật chất*

Phòng học bộ môn được sử dụng từ phòng học thông thường nên diện tích còn hẹp (phòng học Ngoại ngữ và phòng Tin học), chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình GDPT 2018 hoặc thiết bị chưa đồng bộ. Các thiết bị trong phòng học tiếng Anh đã hư hỏng hoàn toàn không đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.

2.3. *Học sinh*

Trình độ nhận thức, chất lượng của học sinh không đồng đều, một số gia đình có hoàn cảnh quá khó khăn, chưa quan tâm đến việc học hành của con em, còn buông lỏng phó mặc cho nhà trường nên khó khăn trong việc giáo dục. Nhiều em học sinh khả năng tiếp thu còn hạn chế. Hằng năm vẫn còn có học sinh có kết quả rèn luyện và học tập chưa đạt. Một số học sinh phải tự lo cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chưa mạnh dạn trong các hoạt động. Hiện tượng học sinh vi phạm nội quy vẫn xảy ra, còn một bộ phận chưa nhận thức được nhiệm vụ học tập, thiếu tự giác. Một số em phải tham gia lao động tạo thu nhập thêm cho gia đình. Một số em ý thức học tập và rèn luyện chưa tốt, chưa có ý thức tự học, tự bồi dưỡng.

Điều kiện học tập của một số học sinh chưa đảm bảo. Đa số các em gia đình ít được đầu tư về vật chất, thời gian cho học tập nên chất lượng học tập chưa cao.

Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn còn cao, Số HS thuộc hộ nghèo chiếm khoảng 26%; 03 học sinh thuộc diện khuyết tật.

2.4. Công tác phối hợp thực hiện các nhiệm vụ giáo dục

Nhiều học sinh bố mẹ đi làm ăn xa nhà, mắc tệ nạn xã hội, đi cải tạo.. nên việc quản lý, giáo dục con em mình; việc trao đổi, nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện cùng với giáo viên chủ nhiệm đôi khi chưa hiệu quả.

3. Điểm mạnh của nhà trường

Trong những năm học qua, nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Với sự quyết tâm, nỗ lực phấn đấu không ngừng của tập thể, nhà trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2017 và công nhận lại trường duy trì đạt chuẩn Quốc gia vào các năm 2024.

Nhà trường đã khẳng định được uy tín, chất lượng, luôn tạo được niềm tin của nhân dân và chính quyền địa phương. Hàng năm luôn có học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, đạt giải thể thao, văn nghệ; nhiều học sinh tham gia thi vào học tại các trường PTDTNT huyện, tỉnh. Nhiều năm liền nhà trường được UBND huyện Điện Biên Đông, Sở Giáo dục, UBND tỉnh tặng giấy khen, bằng khen.

Từ CBQL đến tổ, nhóm chuyên môn, các tổ chức đoàn thể luôn có sự thống nhất chung, có năng lực, kinh nghiệm và nhiệt tình trong công tác; có khả năng lập kế hoạch, xây dựng các giải pháp thực hiện phù hợp thực tiễn nhà trường; tích cực cập nhật các thông tin phục vụ yêu cầu dạy và học.

Tổ chức nhà trường: Có chi bộ độc lập với 35 đảng viên chiếm 81,4%; Chi đoàn TNCSHCM, Đội TNTPHCM, ban thanh tra nhân dân, ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động nền nếp, có hiệu quả.

Ban giám hiệu làm tốt công tác tham mưu với UBND xã, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, với cha mẹ học sinh trong công tác vận động và duy trì số lượng học sinh, công tác xã hội hoá giáo dục để thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục.

4. Điểm yếu

Ý thức tự giác học bài của học sinh chưa cao, còn trông chờ vào sự đôn đốc, nhắc nhở của thầy cô giáo. Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều.

5. Về điều kiện cơ sở vật chất, tài chính

**** Cấp tiểu học:***

Phòng học văn hóa: 10 phòng có đủ bàn ghế cho GV và học sinh, tuy nhiên hệ thống bàn ghế chưa đúng quy cách, còn cao so với học sinh; nước uống đảm bảo cho các hoạt động giáo dục; 01 phòng tin học có 16 bộ máy tính; 01 phòng Âm nhạc.

Khu văn phòng: 2 phòng, trong đó phòng làm việc của ban giám hiệu 01 phòng, phòng họp tổ nhóm chuyên môn 01 phòng.

Khu nhà ở học sinh bán trú: 02 nhà, trong đó 01 nhà kiên cố, 01 bán kiên cố.

Khu bếp nấu: Gồm 01 nhà ăn, bếp nấu, kho lưu trữ thực phẩm có đủ dụng cụ xoang nồi, bát đĩa dùng cho học sinh; tủ bảo quản thực phẩm và tủ lưu mẫu thức ăn

*** Cấp THCS:**

Phòng học văn hóa hiện có: 11 phòng có đủ bàn ghế cho giáo viên và học sinh; 08 phòng được lắp đặt hệ thống bảng thông minh; 03 phòng còn lại được lắp máy chiếu, màn chiếu. Tất cả các phòng học đều được trang bị hệ thống điện, quạt, bảng viết, khẩu hiệu, rèm cửa, nước uống đảm bảo cho các hoạt động giáo dục.

Phòng học bộ môn: 4 phòng, trong đó phòng KHTN= 01 phòng; Tin học= 01 phòng = 20 máy; Tiếng Anh = 01 phòng; Nghệ thuật = 01 phòng. Các phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế, thiết bị, máy chiếu theo quy định.

Khu văn phòng: có 15 phòng, Trong đó.

- Ban giám hiệu: 03 phòng, Kế toán: 01 phòng; Tổ chuyên môn: 02 phòng; Tư vấn tâm lý: 01 phòng; Đoàn đội: 01 phòng, Y tế: 01 phòng, phòng văn thư: 01 phòng, Kho lưu trữ: 01. Các phòng trên đều được lắp đặt đủ máy tính, bàn ghế, hệ thống điện, quạt.

- Phòng hội đồng, truyền thông và họp trực tuyến: 01 phòng, được lắp đặt âm thanh, máy chiếu, thiết bị họp trực tuyến, bàn ghế đúng quy cách, được trang trí khánh tiết. Phòng công vụ 03 phòng được trang bị đầy đủ chăn màn, bàn làm việc.

Khu vệ sinh- Sân chơi bãi tập- hệ thống cây xanh: Nhà trường có 2 khu vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh. Có sân chơi bê tông diện tích 700m²; Bãi tập có diện tích 500m². Nhà trường có bồn hoa, cây cảnh, cây bóng mát.

*** Tài chính:**

Trường được tự chủ về tài chính nên thuận lợi cho việc thanh toán tiền lương, tiền công cho CBGV-CNV, chi trả chế độ chính sách cho học sinh.

6. Về đội ngũ

6.1. Kết quả chất lượng đội ngũ năm học 2024 - 2025

- Trình độ đào tạo: Cán bộ quản lý đạt trình độ chuẩn: 4/4 = 100%. Giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn (trình độ ĐH trở lên) 35/36 = 97,2%; giáo viên chưa đạt chuẩn 1/36 = 2,8% (Chờ nghỉ chế độ). Nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn: 3/4 = 75%, chưa đạt chuẩn 1/4= 25%, chưa qua đào tạo 0%.

- Chuẩn Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng: Hoàn thành tốt: 4/4 = 100 %.

- Chất lượng cán bộ công chức, viên chức:

+ CBQL: Hoàn thành tốt nhiệm vụ 4/4= 100%

+ Giáo viên, nhân viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 08/44 = 18,2%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 35/44 = 79,5%, Hoàn thành: 1/44= 2,3%.

6.2. Trình độ đội ngũ năm học 2025- 2026

Chuyên môn	Tổng số	Tổng số					
		Dân tộc	ĐH	CĐ	TC	CĐT	Đảng viên
Ban giám hiệu: 04							
Trình độ DT	4	0	4				4

Trình độ LLCT	4	0			4		
Quản lý NN	4	0					
Giáo viên: 35.							
Toán – Lý	5	3	5				5
Vật lý							
Tin học	2		2				
Văn - Sử	2	1	2				1
Văn- Địa	2	1	2				1
Văn- CT đội	1	1	1				1
Hóa - Sinh	1	1	1				1
Sinh	2	1	2				2
Địa lý	3	1	3				2
Tiếng Anh	2	1	2				1
GDCD	1		1				
Mỹ thuật	1	1	1				1
Thể dục	2	1	2				1
Âm nhạc	2		2				2
GV VH cấp TH	9	5	8	1			9
Nhân viên : 04							
Kế toán	1	1	1				1
Thủ quỹ - VT	1	1	1				1
Y tế	1	1			1		1
Thư viện	1	1	1				1
Thiết bị							
Tổng	43	21	41	1	1	0	35

7. Chất lượng học sinh năm học 2024- 2025

7.1. Chất lượng giáo dục:

* *Cấp tiểu học.*

Tổng HS đánh giá: 226/229 (Trừ 03 HS khuyết tật không tham gia đánh giá)

Khối	Số học sinh được Đánh giá	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		TL	%	TL	%	TL	%	TL	%
1	47	8	17	3	6,4	36	76,6	0	0
2	40	8	20	2	5	30	75	0	0
3	48	3	6,25	4	8,35	41	85,4	0	0
4	46	6	13	7	15	33	72	0	0
5	45	8	17,7	4	11,2	33	71,1	0	0
Tổng	226	33	14,6%	20	8,8%	173	76,6	0	0

Kết quả giáo dục cuối năm học:

Hoàn thành chương trình lớp học: lớp 1,2,3, 4:182/182 học sinh

Hoàn thành chương trình Tiểu học: 47/47 học sinh = 100%

*** Cấp THCS.**

+ Kết quả rèn luyện:

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
6	3	90	49 = 54,44%	30 = 33,33%	7 = 7,78%	4 = 4,44%
7	3	98	53 = 54,08%	38 = 38,78%	5 = 5,1%	2 = 2,04%
8	2	80	43 = 53,75%	25 = 31,25%	12 = 15,0%	0
9	3	95	51 = 53,68%	43 = 45,26%	01 = 1,05%	
Tổng	11	363	196 = 53,99%	136 = 37,47%	25 = 6,89%	6 = 1,65%

+ Kết quả học tập:

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
6	3	90	3 = 3,33%	27 = 30%	56 = 62,22%	4 = 4,44%
7	3	98	6 = 6,12%	35 = 35,71%	55 = 56,12%	2 = 2,04%
8	2	80	3 = 3,75%	27 = 33,75%	50 = 62,50%	0
9	3	95	6 = 6,32%	45 = 47,37%	44 = 46,32%	
Tổng	11	363	18 = 4,96%	134 = 36,91%	205 = 56,47%	6 = 1,65%

Tỷ lệ chuyển lớp 6, 7, 8 là 262/268 đạt tỷ lệ 97,8%;

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 95/95, đạt tỷ lệ 100%.

7.2. Chất lượng các cuộc thi

a) Đối với học sinh:

*** Cấp Tiểu học:**

+ Cuộc thi “Giao lưu Tiếng Việt” dành cho học sinh dân tộc thiểu số cấp Huyện: Đạt giải nhất toàn đoàn”

+ Cuộc thi Viết chữ đẹp cấp Huyện: Đạt giải 3 toàn đoàn, trong đó giải cá nhân học sinh có: 01 giải nhất; 01 giải nhì; 01 giải ba; và 03 giải khuyến khích.

+ Cuộc thi IOE “ Tiếng Anh” trên mạng internet cấp huyện có 04 học sinh đạt giải khuyến khích; cấp Tỉnh có : 03 học sinh đạt giải khuyến khích.

+ Cuộc thi trên mạng internet dành cho học sinh cấp 1,2 đối với các môn tổng hợp (Toán, tiếng Việt, TNXH,...”: Có 01 học sinh Đạt giải Đồng; 01 học sinh đạt giải khuyến khích.

*** Cấp THCS:**

- Học sinh giỏi cấp trường lớp 8 đạt 07 giải (01 giải Ba, 06 giải Khuyến khích)

- Học sinh giỏi cấp Huyện môn văn hóa lớp 9 đạt 05 giải:

- Học sinh giỏi cấp Huyện môn văn hóa lớp 8 đạt 09 giải:

- Học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa lớp 9 đạt 01 giải KK môn Ngữ văn

*** Kỳ thi Olympic tiếng Anh trên Internet (IOE)**

- Cấp trường: đạt 03 giải KK

- Cấp huyện: đạt 03 giải (02 giải Ba và 01 giải KK)
- Cấp tỉnh: đạt 03 giải KK

b) Đối với giáo viên:

*** Cấp Tiểu học:**

02/02 GV tham gia dự thi đã được công nhận danh hiệu GV dạy giỏi cấp huyện

*** Cấp THCS:**

06/06 giáo viên tham gia dự thi và được công nhận danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện (trong đó có 01 giáo viên đạt giải Nhì); 01 giáo viên đạt danh hiệu GV tổng phụ trách Đội giỏi cấp huyện; 04 GV được đặc cách công nhận GV dạy giỏi cấp huyện.

c) Các cuộc thi khác

- Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng đạt Giải khuyến khích cấp tỉnh
- Ngoài ra nhà trường đã tham gia đầy đủ các hội thi khác do phòng Giáo dục & Đào tạo tổ chức như: thi đấu thể thao...

8. Thành tích cơ bản của nhà trường trong năm học 2024-2025

- Nhà trường được UBND huyện công nhận tập thể LĐT và tặng giấy khen cho tập thể và 13 cá nhân; 09 giáo viên đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 43/44 cá nhân đạt danh hiệu LĐT; 02 cá nhân được Sở GDĐT tặng giấy khen; 01 cá nhân được UBND tỉnh tặng bằng khen và 14 cá nhân được UBND xã tặng giấy khen.

Kết quả thi đua của nhà trường 3 năm gần nhất.

Năm học	Thành tích thi đua hệ thống chính quyền	Thành tích thi đua hệ thống Công đoàn
2022 - 2023	- Tập thể lao động xuất sắc - UBND tỉnh tặng bằng khen - UBND huyện tặng giấy khen	Công đoàn cơ sở vững mạnh
2023 - 2024	- UBND huyện tặng giấy khen	Công đoàn cơ sở vững mạnh
2024 - 2025	- UBND huyện tặng giấy khen	Công đoàn cơ sở vững mạnh

III. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026

1. Về quy mô lớp học, học sinh

Khối lớp	Số lớp	TS học sinh	HS nữ	HS dân tộc	HS nữ dân tộc	HS hộ nghèo	HS Bán trú	HS Mồ côi	HS KT
1	2	44	21	42	19	7	23	0	1
2	3	47	28	46	27	6	20	2	0
3	2	39	18	39	18	7	26	0	0
4	2	48	25	47	25	5	21	3	0
5	2	47	19	45	18	7	15	2	1
6	3	94	43	87	40	12	29		1
7	3	85	40	82	40	22	24		
8	2	95	45	91	43	9	19		
9	3	80	32	77	29	8	18		
Tổng Số	21	579	271	556	259	85	195		3

2. Về tỷ lệ huy động

- Tỷ lệ Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: $44/44 = 100\%$
- Tỷ lệ huy động từ 6-10 tuổi: $225/225$ đạt tỷ lệ 100 %
- Tỷ lệ Huy động trẻ 11 tuổi vào học lớp 6: $84/86 = 97,67\%$ (còn 01 HS đang học lớp 5; 01 HS đang học lớp 2)
- Tỷ lệ Huy động trẻ 11 - 14 học THCS: $324/349 = 92,84\%$

C. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trên khung chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khung kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh Điện Biên.

Tổ chức dạy học theo đúng chuẩn kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực học sinh theo quy định; gắn với các yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực người học; chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực, phẩm chất; tăng cường gắn học với thực tiễn, rèn kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM; dạy học tích hợp Quốc phòng an ninh, nghiên cứu khoa học. Nâng cao hiệu quả bồi dưỡng học sinh giỏi cấp trường, cấp xã/cụm chuyên môn, cấp tỉnh, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9; tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

Tập trung bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm chất lượng thực hiện CT GDPT 2018; chú trọng công tác hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ.

Thực hiện hiệu quả việc quản lý giáo dục, quản trị trường học; bảo đảm dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả trong các cơ sở giáo dục; tổ chức tốt các phong trào thi đua. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học. Đẩy mạnh công tác tư vấn, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra theo thẩm quyền.

Triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục; tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; tăng cường ứng dụng công cụ AI, tích hợp năng lực số vào giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường trên khung chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

Tập trung nâng cao chất lượng đại trà, đặc biệt là học sinh mũi nhọn và chất lượng thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực.

Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh.

Đổi mới phương thức đánh giá học sinh; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ.

Thực hiện các tốt nghiệp vụ về công tác PCGD, xã hội hóa, công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội, đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

D. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

I. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

*** Cấp tiểu học**

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5			
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119	
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85	
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	
4	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34							
5	Khoa học										70	36	34	70	36	34	
6	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34	
7	Nghệ thuật	- Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		- Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17	

9	GDTC (TD)		70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Ngoại ngữ 1 (TA)								140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	Hoạt động trải nghiệm	SHDC/Ch cò	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		-HĐCĐ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		SHL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	GD ĐP		22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10
13	Độc thư viện		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
II. Môn học tự chọn																	
1	Tiếng dân tộc thiểu số																
2	Ngoại ngữ 1 (Lớp 1)																
3	Tin học																
III. Hoạt động củng cố, tăng cường																	
1	Tự chọn																
2	Tăng cường Tiếng Việt		35	18	17	35	18	17	35	18	17						
3	Số tiết củng cố, tăng cường		149	74	75	149	74	75	79	38	41	41	17	24	41	17	24
4	Câu lạc bộ																
5	HĐGD																
6	...																
TỔNG																	
Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)			932	480	452	932	480	452	1037	534	503	1107	570	537	1107	570	537
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)			27			27			28			32			32		
Số tiết tự chọn/tuần			0			0			0			0			0		
Số tiết củng cố, tăng cường/tuần			5			5			5			1			1		
Số tiết/tuần			32			32			33			33			33		
Số buổi dạy/ tuần			9			9			9			9			9		
Tổng số tiết/ năm học			1116			1116			1151			1148			1148		

*** *Cấp THCS.***

Căn cứ Khung chương trình môn học Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn, nhà trường ban hành kế hoạch dạy học cho các môn học: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (tiếng Anh), Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục công dân, Công nghệ, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Giáo dục thể chất, Tin học, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Nội dung giáo dục địa phương.

Căn cứ vào Quyết định ban hành Khung thời gian năm học của UBND tỉnh Điện Biên, nhà trường chỉ đạo giáo viên xây kế hoạch giáo dục các môn học theo khung thời gian 35 tuần thực học, trên cơ sở đảm bảo yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học và yêu cầu của cấp học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết như sau:

*** *Chương trình chính khóa***

- Thực hiện khung chương trình: Dạy học 35 tuần.
- Chương trình tiếng Anh: học chương trình GDPT 2018.

Môn học/HĐGD	Khối lớp	Số tiết học từng môn		
		HKI	HKII	Cả năm
Ngữ Văn	6, 7, 8, 9	72	68	140
Toán	6, 7, 8, 9	72	68	140
Ngoại ngữ 1 (<i>tiếng Anh</i>)	6, 7, 8, 9	54	51	105
GDCD	6, 7, 8, 9	18	17	35
Lịch sử - Địa lý	6, 7, 8, 9	54	51	105
Khoa học tự nhiên	6, 7, 8, 9	72	68	140
Công nghệ	6, 7	18	17	35
	8	18	34	52
	9	35	17	52
Tin học	6, 7, 8, 9	18	17	35
Giáo dục thể chất	6, 7, 8, 9	36	34	70
Nghệ thuật (Âm nhạc)	6, 7, 8, 9	18	17	35
Nghệ thuật (Mỹ thuật)	6, 7, 8, 9	18	17	35
HĐ trải nghiệm, HN	6, 7, 8, 9	54	51	105
Giáo dục địa phương	6, 7, 8, 9	18	17	35
Tổng số tiết		575	544	1.119

*** Kế hoạch thực hiện theo từng khối**

a) Khối 6

Tuần	Khối 6																Tổng
	T. á n	KH TN (Lí)	KH TN (Ho á)	KH TN (Sĩ nh)	C, n ghệ	V ă n	LS ĐL (Sĩ)	LS ĐL (Đị a)	GD CD	T. An h	T in	GD TC	Ng h.T (A N)	Ng h.T (M T)	HĐT N, HG	GD ĐP	
1	4	2	1	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
2	4	2	1	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
3	4	2	1	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29

4	4	3	0	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
5	4	2	0	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
6	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
7	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
8	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
9	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
10	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
11	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
12	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
13	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
14	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
15	4	2	0	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
16	4	2	0	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
17	4	2	0	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
18	4	2	0	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
19	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
20	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
21	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
22	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
23	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
24	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
25	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
26	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
27	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
28	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
29	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
30	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
31	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
32	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
33	4	2	1	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
34	4	2	1	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
35	4	3	0	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
Tổng	140	49	28	63	35	140	53	52	35	105	35	70	35	35	105	35	1015

b) Khối 7

Tu ân	Khối 7																Tổ ng
	T o á n	KH TN (Lí)	KH TN (Ho á)	KH TN (Si nh)	C,n ghệ	V ă n	LS ĐL (Sử)	LS ĐL (Đị a)	GD CD	T. An h	T in	GD TC	Ng h.T (A N)	Ng h.T (M T)	HĐT N,HG	GD ĐP	
1	4	4	0	0	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
2	4	2	0	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
3	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
4	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
5	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
6	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
7	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
8	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
9	4	1	2	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
10	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
11	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
12	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
13	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
14	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
15	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
16	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
17	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
18	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
19	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
20	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29

21	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
22	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
23	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
24	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
25	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
26	4	2	1	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
27	4	2	1	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
28	4	2	1	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
29	4	2	1	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
30	4	2	1	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
31	4	2	1	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
32	4	2	1	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
33	4	2	1	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
34	4	2	0	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
35	4	3	0	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
Tổng	140	50	31	59	35	140	53	52	35	105	35	70	35	35	105	35	1015

c) Khối 8:

Tu ân	Khối 8																Tổ ng
	T o á n	KH TN (Lí)	KH TN (Ho à)	KH TN (Si nh)	C,n ghệ	V ă n	LS ĐL (Sử)	LS ĐL (Đị a)	GD CD	T. An h	T in	GD TC	Ng h.T (A N)	Ng h.T (M T)	HĐT N,HG	GD ĐP	
1	4	1	2	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
2	4	3	1	0	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
3	4	3	1	0	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
4	4	2	1	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
5	4	2	1	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
6	4	2	1	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
7	4	2	1	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
8	4	2	1	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
9	4	2	1	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
10	4	2	1	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
11	4	1	1	2	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
12	4	0	1	3	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
13	4	0	1	3	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
14	4	0	2	2	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
15	4	0	2	2	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
16	4	0	2	2	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
17	4	0	2	2	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
18	4	0	2	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
19	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
20	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
21	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
22	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
23	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
24	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
25	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
26	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
27	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
28	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
29	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
30	4	1	2	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
31	4	1	2	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
32	4	2	2	0	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
33	4	2	2	0	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
34	4	2	2	0	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
35	4	2	2	0	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
Tổng	140	43	47	50	52	140	53	52	35	105	35	70	35	35	105	35	1015

c) Khối 9:

Tuần	Khối 9																Tổng
	Toán	KHTN (Lí)	KHTN (Hoá)	KHTN (Sinh)	C,nghệ	Văn	LSDL (Sử)	LSDL (Địa)	GDCD	T.Anh	Tin	GDTC	Ngh.T (AN)	Ngh.T (MT)	HĐTN,H G	GDĐP	
1	4	1	2	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
2	4	1	2	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
3	4	1	2	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
4	4	1	2	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
5	4	1	2	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	30
6	4	1	2	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	30
7	4	1	2	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	30
8	4	1	2	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	30
9	4	1	2	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
10	4	1	2	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
11	4	1	2	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
12	4	2	1	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
13	4	2	1	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	30
14	4	2	1	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	30
15	4	2	1	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	30
16	4	2	1	1	2	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	30
17	4	2	1	1	2	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	30
18	4	2	1	0	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
19	4	1	2	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
20	4	1	2	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
21	4	1	2	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
22	4	1	2	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
23	4	1	2	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
24	4	1	2	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
25	4	1	2	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
26	4	1	2	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
27	4	1	2	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
28	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
29	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
30	4	1	1	2	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
31	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
32	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
33	4	1	1	2	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
34	4	2	1	1	1	4	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1	29
35	4	2	1	1	1	4	2	1	1	3	1	2	1	1	3	1	29
Tổng	140	44	55	41	52	140	53	52	35	105	35	70	35	35	105	35	1032

*** Kế hoạch chi tiết các môn học/hoạt động giáo dục**

(Có phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3 kèm theo công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 gửi kèm)

II. Hoạt động ngoại khóa

Tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GD&ĐT quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, số 6759/BGDĐT-GDTrH, ngày 04/12/2023 của Bộ GD&ĐT về việc Tăng cường quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Tổ chức các loại hình hoạt động trải nghiệm gồm:

Hoạt động nghi lễ và các hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường, nói chuyện truyền cảm hứng; truyền thông các vấn đề xã hội như tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền chủ đề hoạt động tháng.

Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề nhằm củng cố và khắc sâu kiến thức của các môn học, mở rộng và nâng cao hiểu biết cho học sinh về các lĩnh vực của đời sống xã hội; rèn luyện cho học sinh những kỹ năng cơ bản phù hợp lứa tuổi THCS; bồi dưỡng thái độ tự giác, tích cực tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội. Hoạt động giáo dục được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp.

Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề hoạt động NGLL thường xuyên và hoạt động ngoài giờ lên lớp định kỳ. Hình thức tổ chức sinh hoạt thường xuyên, thực hiện đều đặn từng tuần, thực hiện ở trường và cả ở nhà với nhiệm vụ trải nghiệm được giao như nhau đến từng học sinh.

Hoạt động NGLL định kỳ giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá, thể thao và vui chơi: Các hội thao, các cuộc thi văn hoá, văn nghệ của học sinh.

Tăng cường lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, bảo vệ môi trường; giáo dục an toàn giao thông,... thông qua các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường.

*** Các hoạt động ngoại khóa chính trong năm học:**

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	TG thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Tổ chức tuyên truyền về ATGT. Tuyên truyền phòng chống đuối nước, phòng chống dịch bệnh	Toàn trường	16/9 22/9	Đội CSGT BGH, ĐTN TPT, Y tế	GVCN, Các đoàn thể trong trường
Tháng 10	Chăm ngoan học giỏi	Tổ chức vui tết Trung thu Tuyên truyền ngày Bác Hồ gửi lá cuối cùng cho ngành Giáo dục lần cuối.	Toàn trường	06/10 13/10	BGH TPT	GVCN, Các đoàn thể trong trường
Tháng 11	Tôn sư trọng đạo	Thi báo tường giữa các chi đội Hội diễn văn nghệ chào mừng kỉ niệm 42 năm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	Toàn trường	10/11 Sáng 20/11	BGH TPT Đội văn nghệ	BGH+ GVCN +GV toàn trường

Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Nói chuyện truyền thống ngày quốc phòng toàn dân Thăm hỏi các gia đình có công với cách mạng trên địa bàn gần trường	Toàn trường	Sáng 15/12	Chủ tịch cựu chiến binh của xã	BGH+ Đoàn TN, GVCN, GV toàn trường
Tháng 1+2	Mừng Đảng – Mừng xuân	Tổ chức chương trình “Xuân trao yêu thương”	Toàn trường	Sáng 19/1	TPT, BT Đoàn	BGH+ GVCN, GV, NV toàn trường
Tháng 3	Tiến bước lên đoàn	Thi tìm hiểu về Đoàn TNCSHCM	Toàn trường	Sáng 23/3	TPT, BT Đoàn	BGH+ GVCN, GV, NV toàn trường
Tháng 4	Hòa bình hữu nghị	Tổ chức ngày sách và văn hoá đọc Việt Nam	Toàn trường	Sáng 21/4	TPT. GV TV	BGH+ GVCN, GV toàn trường
Tháng 5	Đội ta lớn lên cùng đất nước	Tổ chức hoạt động trải nghiệm “Thiếu nhi vui khỏe”	Toàn trường	7/5	TPT	BGH+ GVCN, GV toàn trường

III. Tổ chức hoạt động giáo dục trong ngày

1. Đối với cấp tiểu học:

Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần

- Đối với khối lớp 1 và lớp 2: 32 tiết/tuần; Đối với khối lớp 3,4,5: 33 tiết/tuần; và phân bố thành 2 buổi (buổi 1 và buổi 2).

+ Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo [Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT](#).

+ Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: tự học có hướng dẫn của giáo viên, học tập theo nhóm, học trải nghiệm,...

*** Lịch thực hiện cụ thể:**

Thứ	Buổi	Tiết	1	2	3	4	5
Hai	Sáng	1	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN
		2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TA	Toán	Toán
		3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	TA	Tiếng Việt
		4	Tiếng Việt	ĐĐ	Tiếng Việt	TD	TA
	Chiều	1	Tự chọn	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tự chọn
		2	ĐĐ	Mĩ Thuật	TA	Tiếng Việt	K.HOC
		3	TNXH	TD	CN	LS&ĐL	GDDP
Ba	Sáng	1	Tiếng Việt	Toán	Toán	Toán	Toán
		2	Tiếng Việt	TCTV	TNXH	KH	Tiếng Việt
		3	Toán	Tiếng Việt	TD	AN	K.HOC
		4	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	HĐTN
	Chiều	1	HĐTN	ĐSTV	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TA
		2	TD	Tự chọn	ĐĐ	TA	Mĩ thuật
		3	Tự chọn	TD	TCTV	Mĩ thuật	LS&ĐL
Tư	Sáng	1	Toán	Tiếng Việt	Toán	Toán	Tiếng Việt
		2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TA	HĐTN	ĐĐ
		3	Tiếng Việt	AN	Tiếng Việt	TH	TD
		4	Mĩ thuật	Toán	Tự chọn	Tiếng Việt	Toán
	Chiều	1	Tiếng Việt	HĐTN	TNXH	GDDP	TA
		2	Tự chọn	Tự chọn	ĐSTV	TA	TH
		3	GDDP	TNXH	HĐTN	KH	Tiếng Việt
Năm	Sáng	1	Tiếng Việt	Tự chọn	Toán	Toán	Tiếng Việt
		2	TD	Tiếng Việt	TA	Tiếng Việt	CN
		3	TNXH	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TA	Toán
		4	Tiếng Việt	TNXH	Mĩ thuật	TD	AN
	Chiều	1	TCTV	Toán	GDDP	LS&ĐL	ĐSTV
		2	ĐSTV	Tiếng Việt	TD	ĐĐ	Tiếng Việt
		3	Tự chọn	Tự chọn	AN	ĐSTV	Tiếng Việt
Sáu	Sáng	1	Toán	Toán	Toán	Toán	TA
		2	AN	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	LS&ĐL
		3	Tiếng Việt	GDDP	Tự chọn	CN	Toán
		4	HĐTN	HĐTN	TH	Tự chọn	TD
		5			HĐTN	HĐTN	HĐTN
Tổng: ST/Tuần			32	32	33	33	33

2. Đối với cấp THCS

Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết học 45 phút; thực hiện kế hoạch tối đa 11 buổi/tuần.

Bố trí số lượng buổi 1 trong tổng số buổi học/tuần bảo đảm đủ số tiết/tuần của các môn học và hoạt động giáo dục quy định tại Chương trình GDPT (tối đa 8 buổi); tiết học của buổi 1 và buổi 2 sẽ được nhà trường bố trí linh hoạt, phù hợp với điều kiện của nhà trường, không gây áp lực cho học sinh; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các lực lượng xã hội trên địa bàn trong quá

trình triển khai dạy học 2 buổi/ngày bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Nội dung và hình thức dạy học:

Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

Buổi 2: Tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu của CT GDPT; bồi dưỡng HGS; tổ chức ôn tập để học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10 (đối với học sinh lớp 9), tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng sống, sinh hoạt câu lạc bộ: văn nghệ, thể dục thể thao...

Các môn GDTC, nghệ thuật (*Âm nhạc, Mỹ thuật*), Tin học, GDCD, Nội dung giáo dục địa phương bố trí rải đều trong tuần.

Tổng số tiết thực hiện buổi 1

Buổi	Lớp 6, 7	Lớp 8, 9 (học kì I)	Lớp 8, 9 (học kì II)
Sáng	5 buổi x 4 tiết = 20 tiết	4 buổi x 4 tiết = 16 tiết; 1 buổi x 5 tiết = 5 tiết	5 buổi x 4 tiết = 20 tiết
Chiều	3 buổi x 3 tiết = 9 tiết	3 buổi x 3 tiết = 9 tiết	3 buổi x 3 tiết = 9 tiết
Tổng số dạy/tuần	29 tiết	30 tiết	29 tiết

(Có biểu thống kê số tiết dạy theo CT GDPT 2018 gửi kèm theo)

* Lịch thực hiện cụ thể:

+ Học kì I:

Buổi	Sáng	Chiều
Thứ hai	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương trình GDPT
Thứ ba	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương trình GDPT
Thứ tư	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Bồi dưỡng học sinh giỏi ¹ , giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, HĐTN – HN, thể thao, nghệ thuật ¹ ...
Thứ năm	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương trình GDPT
Thứ sáu	- Tiết dạy: 1 đến 4 (lớp 6, 7) 1 đến 5 (lớp 8,9)	- Tiết dạy: 1 đến 2 - Ôn tập, phụ đạo học sinh ²

¹ BDHSG lớp 9 dự kiến thực hiện từ 08/9/2025 đến 10/12/2025; BDHSG lớp 8 dự kiến thực hiện từ 08/9/2025 đến 20/3/2026; BDHSG lớp 6, 7 dự kiến thực hiện từ 22/9/2025 đến 20/3/2026; nghiên cứu KHKH dự kiến thực hiện từ 08/9/2025 đến 20/12/2025; thể thao, nghệ thuật dự kiến thực hiện từ 08/9/2025 đến 30/12/2025; GD Stem theo KHGD môn học.

	- Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	
Thứ bảy	- Hợp hội đồng sư phạm (tuần 1); Sinh hoạt chuyên môn (tuần 2, 4) và các hoạt động giáo dục khác (tuần 3)	Nghỉ
Chủ nhật	Nghỉ	Nghỉ

+ Học kì II:

Buổi	Sáng	Chiều
Khối lớp 6, 7		
Thứ hai	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương trình GDPT
Thứ ba	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương trình GDPT
Thứ tư	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Bồi dưỡng học sinh giỏi; giáo dục STEM; HĐTN-HN; thể thao, nghệ thuật...
Thứ năm	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương trình GDPT
Thứ sáu	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Ôn tập, phụ đạo học sinh ² .
Thứ bảy	- Hợp hội đồng sư phạm (tuần 1); Sinh hoạt chuyên môn (tuần 2, 4) và các hoạt động giáo dục khác (tuần 3)	Nghỉ
Chủ nhật	Nghỉ	Nghỉ
Khối lớp 8, 9		
Thứ hai	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương trình GDPT
Thứ ba	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương

² Ôn tập từ 08/9/2025, phụ đạo dự kiến từ 19/01/2026 đến 15/5/2026; GD Stem theo KHGD môn học.

	trình GDPT	trình GDPT
Thứ tư	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 8, phụ đạo học sinh có kết quả chưa đạt, ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT ³ , giáo dục STEM, HĐTN-HN, thể thao, nghệ thuật
Thứ năm	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Môn dạy: Các môn, HĐGD chương trình GDPT
Thứ sáu	- Tiết dạy: 1 đến 4 - Môn dạy: Các môn học chương trình GDPT	- Tiết dạy: 1 đến 3 - Phụ đạo học sinh có kết quả chưa đạt, ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT ³ , giáo dục STEM, HĐTN-HN, thể thao, nghệ thuật
Thứ bảy	- Họp hội đồng sư phạm (tuần 1); Sinh hoạt chuyên môn (tuần 2, 4) và các hoạt động giáo dục khác (tuần 3)	Nghỉ
Chủ nhật	Nghỉ	Nghỉ

E. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

I. Kế hoạch tổng thể

Các hoạt động và công việc cụ thể	Thời gian thực hiện (tháng)													Người chịu trách nhiệm
	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7		
- Tụ trường		x											BGH	
- Xây dựng kế hoạch năm học		x											đ/c Nam	
- Khai giảng năm học		x											BGH	
- Kiện toàn bộ máy nhà trường	x	x											đ/c Nam	
- Họp phụ huynh		x				x				x			GVCN	
- Đăng ký thi đua đầu năm và hoàn thiện hồ sơ cuối năm		x								x			đ/c Hồng	
- KT hồ sơ PC và điều tra BS	x	x			x								Trung, Hiệp	
- TC kỷ niệm 20/10; 20/11, 8/3			x	x				x					BGH+ Các đoàn thể	
Quản lý chất lượng														
- Tổ chức coi, chấm KTĐK			x	x	x			x	x	x			GV	
- Các cuộc thi trong năm														
Học sinh														
- Thi HSG các môn văn hóa			x		x			x					Tuyết, GV ôn	

³ Ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 dự kiến từ 19/01/2026 đến 25/5/2026.

[illegible]

II. Kế hoạch cụ thể

1. Công tác tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức

a. Nhiệm vụ

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, hăng hái thi đua, năng động, sáng tạo, lập thành tích thiết thực chào mừng kỷ niệm 72 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2026), 117 năm thành lập tỉnh (28/6/1909 - 28/6/2026), 77 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949 - 10/10/2026), góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025 -

2026. Nâng cao chất lượng công tác thi đua khen thưởng; đẩy mạnh công tác phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong đơn vị, biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; khen thưởng kịp thời theo công trạng và thành tích, tạo sự lan tỏa và động lực đối với các cá nhân và đơn vị, cơ sở giáo dục.

Xây dựng trường lớp xanh, sạch, đẹp, tổ chức các hoạt động tập thể lành mạnh bổ ích tạo điều kiện cho học sinh khi đến trường được an toàn học tập.

Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy sự chuyên cần, chủ động, sáng tạo, ý thức vươn lên tự học của học sinh.

Tham mưu với chính quyền địa phương trong việc vận động học sinh ra lớp, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao khích lệ động viên cán bộ giáo viên, nhân viên tham gia nhiệt tình vào các hoạt động tại địa phương, tham gia rèn luyện sức khỏe, vui chơi lành mạnh bổ ích.

b. Chỉ tiêu

100% CBQL, GV, NV tham gia quán triệt, triển khai chỉ thị, nghị quyết các cấp; 100% có phẩm chất chính trị đạo đức nghề nghiệp xếp loại tốt

100% giáo viên, nhân viên chấp hành tốt quy chế chuyên môn, không vi phạm đạo đức nhà giáo, là tấm gương sáng để học sinh noi theo. Thực hiện nghiêm túc quy chế trường học, điều lệ nhà trường và luật công chức, viên chức.

100% học sinh của nhà trường tham gia tích cực hoạt động TDTT phong trào tập luyện văn nghệ và các hoạt động giáo dục khác do nhà trường tổ chức.

c. Giải pháp

Triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo các cấp đến giáo viên, nhân viên, theo dõi đôn đốc động viên kịp thời giáo viên hoàn thành nhiệm vụ.

Xây dựng quy chế cơ quan, thực hiện tốt quy chế dân chủ, trưng cầu ý kiến giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng nhà trường vững mạnh, đoàn kết, chất lượng từng bước ổn định và nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Công tác thi đua khen thưởng

a. Nhiệm vụ

Hướng các phong trào thi đua vào việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh; gắn phong trào thi đua với việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, trong đó tập trung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao 3 ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao tinh thần trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ viên chức, người lao động trong đơn vị.

Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức tổ chức các phong trào thi đua với các hình thức phong phú, đa dạng, nội dung cụ thể, thiết thực bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm của ngành, đơn vị.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, các mô hình mới, cách làm hay, sáng

tạo, hiệu quả. Xây dựng và lựa chọn các tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu để tuyên truyền, nêu gương học tập, nhân rộng toàn ngành, tạo sức lan tỏa, thúc đẩy các phong trào thi đua ngày càng phát triển sâu rộng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, đảm bảo khen thưởng chính xác, kịp thời, đúng đối tượng, đúng thành tích, minh bạch, công khai. Quan tâm, chú trọng biểu dương, khen thưởng thành tích đột xuất; khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều sáng kiến, đề tài khoa học được áp dụng mang lại hiệu quả cao trong quản lý, giảng dạy; Gắn công tác thi đua, khen thưởng với đánh giá chất lượng hiệu quả công tác của viên chức, người lao động hàng năm nhằm nâng cao tác dụng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng.

b. Chỉ tiêu

- Về tập thể: + Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- + Liên đội TNTP HCM phấn đấu đạt liên đội vững mạnh.
- + Nhà trường phấn đấu đạt danh hiệu "Tập thể LĐTT" Đề nghị UBND xã tặng giấy khen.

- Về cá nhân + LĐTT: 43/43 cá nhân đạt 100%
- + CSTĐCS: 10/43 cá nhân = 23,3%
- + Đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen: 1 cá nhân
- + Đề nghị Sở GD&ĐT tặng giấy khen: 2 cá nhân
- + Đề nghị UBND xã tặng giấy khen: 15 cá nhân
- + Khen thưởng 100% CBGV, NV và học sinh có thành tích cao trong học tập, rèn luyện và công tác.

c. Giải pháp

Nhà trường tổ chức cho giáo viên, nhân viên, các tổ chuyên môn, văn phòng đăng ký thi đua.

Ban giám hiệu và tổ trưởng triển khai nhiệm vụ của tuần, tháng đến giáo viên, nhân viên qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, họp hội đồng, đồng thời theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ giáo viên, nhân viên.

Các tổ chuyên môn, văn phòng bình xét thi đua nghiêm túc mỗi tháng 1 lần. Kết quả xếp loại được công khai trên bảng theo dõi thi đua và thông báo cho giáo viên sau khi được đánh giá.

3. Công tác chuyên môn

3.1. Chất lượng đội ngũ

a. Nhiệm vụ

Tham gia học tập đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của ngành về công tác chuyên môn đặc biệt Thông 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 TT quy

định về đánh giá HS THCS và HS THPT, Thông 27/2020/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh TH.

Tổ chức soạn, giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn theo đúng các quy định, công văn hướng dẫn của ngành, phân công của trường.

Xây dựng đội ngũ CBGV, NV đủ về số lượng đồng bộ về cơ cấu môn học, có đầy đủ phẩm chất đạo đức đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn

Thực hiện nghiêm túc kế hoạch năm học 2025-2026; Sắp xếp thực hiện kế hoạch giáo dục môn học/HĐGD nhằm phát huy phẩm chất, năng lực học sinh; phù hợp với đối tượng học sinh của nhà trường, đặc thù từng môn học.

Xây dựng kế hoạch ôn luyện học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém ngay từ đầu năm học cụ thể và phù hợp với nhà trường (có quyết định phân công kèm theo)

Đảm bảo số lượng hồ sơ sổ sách theo Điều lệ trường Trung học.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; tổ chức các chuyên đề, hội thảo, tọa đàm trao đổi, chia sẻ về xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; tham dự nghiêm túc các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý và giáo viên trong việc chỉ đạo và thực hiện các nội dung mới và nâng cao chất lượng dạy học do Sở GD&ĐT tổ chức.

Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, từng bước nâng dần chất lượng giờ dạy phù hợp với từng đối tượng học sinh hướng tới thay đổi căn bản, toàn diện giáo dục.

Tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, tăng cường giáo dục về thể chất thúc đẩy phong trào thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, giáo dục thẩm mỹ đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Tham dự đầy đủ các cuộc thi: Hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi KHKT. Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp.

Trong công tác chủ nhiệm:

Giáo dục đạo đức và ý thức chấp hành nội quy nhà trường cho học sinh toàn trường, ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm với tập thể, bạn bè và lễ phép với mọi người, biết bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt....

Tham gia đầy đủ, nhiệt tình các hoạt động giáo dục của nhà trường, của địa phương, kính thầy, mến bạn, khắc phục mọi khó khăn để đi học đầy đủ, đúng giờ không bỏ giờ, bỏ buổi học. Giáo dục học sinh cá biệt, học sinh chậm tiến.

b. Chỉ tiêu

100% các tổ chuyên môn triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn, trong đó trọng tâm là:

100% giáo viên bồi dưỡng thường xuyên đủ 120 tiết/năm (giáo viên dự giờ tối thiểu 20 tiết/năm; phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn dự tối thiểu 25

tiết/năm; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng phụ trách CSVN dự tối thiểu 20 tiết/năm). 100 % giáo viên tham gia Hội thảo chuyên đề các cấp.

Tổ chức chuyên đề cấp trường 1 lần/ học kỳ. Sinh hoạt chuyên môn tổ 2 tuần/1 lần. 100% sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, SHCM cần đưa ra những vấn đề khó trong việc dạy học theo chương trình GDPT 2018.

100 % giáo viên sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học đúng kế hoạch.

Mỗi giáo viên có tối thiểu 1 bài dạy ứng dụng CNTT/ tháng (trừ giáo viên GDTC và dạy không đúng chuyên môn đào tạo, điều kiện máy chiếu)

Mỗi tổ chuyên môn thực hiện 2 chuyên đề lớn/ năm..

100% CBQL, GV đều UDCNTT hiệu quả trong quản lý và dạy học.

100% giáo viên sử dụng phần mềm Vnedu trong giảng dạy và giáo dục học sinh.

100% giáo viên lên lớp sử dụng ĐDDH theo kế hoạch đã đăng ký.

100% công chức, viên chức, học sinh thường xuyên truy cập Websile của nhà trường; thường xuyên đăng tin bài với số lượng tối thiểu 4 bài/tháng.

***Chuyên đề trường.**

Một năm học thực hiện được 2 nội dung chuyên đề về chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục hai mặt của nhà trường, giảm tỷ lệ học sinh đi học không chuyên cần và học sinh nghỉ học giữa chừng.

- Cấp Tiểu học:

Chuyên đề 1: Nâng cao kỹ năng UDCNTT và chuyển đổi số trong dạy học; UDCNTT AI trong quản lý dạy học và kiểm tra đánh giá. (tháng 10/2025)

Chuyên đề 2: Hướng dẫn cách sử dụng hồ sơ, học bạ điện tử (tháng 03/2026)

- Cấp THCS:

Chuyên đề 1: Thực hiện tháng 10/2025

+ Trao đổi, thảo luận về công tác ôn học sinh giỏi cấp tỉnh.

+ Trao đổi kế hoạch SHCM tổ, thảo luận công tác tổ chức SHCM tổ theo hướng nghiên cứu bài học.

+ Xây dựng kế hoạch bài dạy (ứng dụng trí tuệ nhân tạo), dạy minh họa, dự giờ, rút kinh nghiệm tiết dạy môn Toán 8

Chuyên đề 2: Thực hiện tháng 02/2026

Trao đổi, thảo luận về công tác ôn thi vào 10 THPT. Phân tích đề thi vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026. Xây dựng đề thi vào 10 THPT.

*** Chỉ tiêu về xếp loại hồ sơ**

Cấp học	Tốt	Khá	TB
Cấp Tiểu học	10/13 = 76,9%	3/13 = 23,1%	0
Cấp THCS	18/22= 81,8%	4/22= 18,2%	0
Tổng toàn trường	28/35 = 80%	7/35 = 20%	0

*** Chỉ tiêu về xếp loại chuyên môn.**

Cấp học	Giỏi cấp trường	Giỏi cấp xã/cụm	Giỏi cấp tỉnh	CM Khá
---------	-----------------	-----------------	---------------	--------

Tiểu học	08/13 = 61,5%	2/13 = 15,4%	01/13 đang bảo lưu (7,7%)	02/13=15,4%
THCS	6/22 = 27,3%	9/22 = 40,9%	02/22 đang bảo lưu (9,1%)	05/22=22,7%
Tổng	13/35 = 37,1%	13/35 = 37,1%	3/35 = 8,6%	06/35=17,2%

- 100% Giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.
- 100% giáo viên lên lớp sử dụng ĐD, TBDH theo kế hoạch.
- 100% công chức, viên chức, học sinh thường xuyên truy cập Website của nhà trường; thường xuyên đăng tin bài với số lượng tối thiểu 4 bài/tháng.

*** Chỉ tiêu về công tác chủ nhiệm.**

- 100% giáo viên chủ nhiệm nhiệt tình, có biện pháp giáo dục phù hợp.
- 97% trở lên học sinh lớp chủ nhiệm đi học chuyên cần, tham gia đầy đủ, nhiệt tình các hoạt động giáo dục của nhà trường, của lớp và địa phương.
- Đăng ký 21/21 lớp Tiên tiến, lớp Xuất sắc 9/21 lớp (TH: 04; THCS: 05)
- Đăng ký cháu ngoan Bác Hồ: 455/579 HS (78,6%)
- Đăng ký Liên đội nhà trường đạt liên đội vững mạnh.

c. Giải pháp

Phân công công tác đúng sở trường, đúng chuyên ngành đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên được dự giờ, trao đổi chuyên môn trong nhà trường.

Thường xuyên phát động phong trào thi đua “**Dạy tốt- Học tốt**” nêu gương người tốt việc tốt, những cá nhân điển hình trong các buổi sinh hoạt chuyên môn và sau mỗi đợt thi đua. Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên dự giờ rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên.

Giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn; tổng phụ trách đội TNTP Hồ Chí Minh để nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của học sinh lớp chủ nhiệm, có biện pháp phù hợp giáo dục học sinh cá biệt kịp thời.

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp các tổ chức đoàn thể, hội cha mẹ học sinh của lớp, của trường vận động học sinh nghỉ học ra lớp.

3.2. Công tác bồi dưỡng thường xuyên

a. Nhiệm vụ

Giúp giáo viên cập nhật kiến thức về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, phát triển năng lực dạy học, năng lực giáo dục và những năng lực khác theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, yêu cầu nhiệm vụ năm học, cấp học, yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương, yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý (CBQL) để thực hiện mục tiêu của giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trung học theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Tăng cường năng lực của đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Nhằm chuẩn hóa, nâng cao phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ của CBQL, giáo viên; nâng cao chất lượng các mặt công tác, đặc biệt là tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại trường, chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học trong nhà trường.

Phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên; năng lực tự đánh giá hiệu quả bồi dưỡng thường xuyên; năng lực tổ chức, quản lý hoạt động tự học, tự bồi dưỡng giáo viên của nhà trường.

b. Chỉ tiêu

100% CBQL, giáo viên tham gia đầy đủ các đợt bồi dưỡng do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và nhà trường tổ chức (bồi dưỡng trực tiếp, trực tuyến).

100% CBQL, GV tham gia dự giờ thăm lớp, sinh hoạt chuyên môn cụm, trường, tổ đầy đủ. (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC, Giáo viên dự giờ 20 tiết/năm, P. Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn 25 tiết/năm), mỗi CBQL, giáo viên thực hiện bồi dưỡng với thời lượng là 120 tiết/năm học.

Cuối năm học 100% CBQL, giáo viên xếp loại Đạt về BDTX.

c. Giải pháp

Lấy việc tự học là chính (tự nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu thông tin trên mạng Internet), kết hợp với việc trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp, tham gia đầy đủ các buổi học tập trung trực tiếp hoặc trực tuyến do các cấp tổ chức, nhằm tiếp thu kịp thời các hướng dẫn những nội dung khó, lắng nghe giải đáp thắc mắc, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và luyện tập kỹ năng.

Tham gia đầy đủ các chuyên đề, các buổi dạy thực nghiệm do trường, cụm trường hay Phòng GD&ĐT tổ chức.

Kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch và rút kinh nghiệm sau mỗi nội dung chương trình bồi dưỡng.

3.3. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá.

3.3.1. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a. Nhiệm vụ

Tạo môi trường học tập phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, theo mục tiêu chương trình GDPT 2018.

Chuyển từ phương pháp dạy học truyền thụ sang dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, chú trọng "dạy cách học" và khuyến khích tự học.

Phù hợp với từng cấp học Tiểu học và THCS, linh hoạt trong hình thức tổ chức dạy học, tăng sự tương tác và thực hành.

b. Chỉ tiêu

100% giáo viên sử dụng ít nhất một hình thức dạy học tích cực trong mỗi tiết dạy chính khóa.

(Ví dụ: dạy học hợp tác, dạy học dự án, sơ đồ tư duy, v.v.)

Tối thiểu 40% tiết dạy/năm học có ứng dụng công nghệ thông tin hoặc công nghệ số.

(Sử dụng PowerPoint, phần mềm tương tác, video minh họa, công cụ học trực tuyến, v.v.)

Mỗi giáo viên xây dựng ít nhất 2 tiết dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh/năm học.

(Tích hợp kỹ năng sống, giáo dục STEM, tư duy phản biện vào bài học)

100% giáo viên thực hiện phân hóa, cá thể hóa hoạt động học tập phù hợp với đối tượng học sinh.

(Giao nhiệm vụ phù hợp năng lực, nhóm học sinh khác nhau...)

Tổ chuyên môn tổ chức ít nhất 2 chuyên đề/năm về đổi mới phương pháp dạy học.

c. Giải pháp

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề.

Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh bảo đảm chất lượng, dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên.

Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học *(trong và ngoài lớp học, trong và ngoài khuôn viên nhà trường)*, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh.

Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với: *mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh*. Với mỗi hoạt động học cần thực hiện linh hoạt 4 bước: *Chuyển giao nhiệm vụ; Thực hiện nhiệm vụ; báo cáo, thảo luận và Kết luận, nhận định*.

Đổi mới đánh giá giờ dạy của giáo viên theo hướng dẫn của công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT.

+ Đối với môn Lịch sử, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học Lịch sử.

+ Đối với môn tiếng Anh: Tiếp tục triển khai thực hiện giảng dạy chương trình tiếng Anh theo CT GDPT 2018 với tất cả các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9;

+ Đối với môn Ngữ văn: Tăng cường hơn nữa việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; dành nhiều thời gian cho các hoạt động thực hành, vận dụng, trình bày, thảo luận để rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói, nghe và cảm thụ thẩm mỹ theo yêu cầu, mức độ với từng lớp học, cấp học. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần giao nhiệm vụ học tập rõ ràng, phù hợp với khả năng của học sinh; nêu cụ thể các yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành; chú trọng kiểm tra, đánh giá, hỗ trợ, động viên học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM trong dạy học. Các tổ chuyên môn, giáo viên nghiên cứu chương trình, lồng ghép nội dung giáo dục STEM vào môn học linh hoạt, hiệu quả. Mỗi giáo viên căn cứ vào kế hoạch giáo dục của cá nhân thực hiện ít nhất 02 bài học STEM hoặc hoạt động trải nghiệm STEM phù hợp, hiệu quả đặc thù môn học. Dự án, sản phẩm STEM của học sinh được lưu tại thư viện nhà trường, tham gia triển lãm “Ngày hội STEM”.

Quan tâm và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; thực hiện sắp xếp HS thuộc dạng khuyết tật tương đồng như nhau vào cùng lớp để thuận lợi trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá HS. Học sinh khuyết tật phải có kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch bài dạy của giáo viên phải thể hiện nội dung cho học sinh khuyết tật.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học. Tăng cường tích hợp nội dung Quốc phòng an ninh, ứng dụng công cụ AI, năng lực số, tiết đọc tại thư viện trong giảng dạy các môn học/hoạt động giáo dục. Giáo viên quan tâm, huy động tối đa học sinh tham gia vào giờ dạy/hoạt động giáo dục góp phần phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nội dung giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng

phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi và các nội dung giáo dục lồng ghép khác.

3.3.2. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

a. Nhiệm vụ

Thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đảm bảo tính toàn diện, công bằng, khách quan và trung thực.

Góp phần điều chỉnh quá trình dạy học, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Tăng cường đánh giá thường xuyên, đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, giảm áp lực thi cử và hạn chế việc dạy học chạy theo thành tích.

b. Chỉ tiêu

100% đề kiểm tra định kỳ các môn học phải được xây dựng dựa trên ma trận, bảng đặc tả đảm bảo mức độ nhận thức phù hợp với chương trình GDPT.

100% giáo viên thực hiện kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

(Đánh giá qua sản phẩm học tập, dự án, thuyết trình, hoạt động nhóm...)

100% bài kiểm tra thường xuyên được đánh giá bằng nhiều hình thức: vấn đáp, trắc nghiệm, viết, thực hành, sản phẩm học tập...

100% giáo viên sử dụng nhận xét thường xuyên để hỗ trợ học sinh tiến bộ trong học tập.

Tổ chức ít nhất 1 đợt sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học về kiểm tra, đánh giá/năm học.

c. Giải pháp

Thực hiện việc đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GDĐT. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; đối với chương trình lớp 9 không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Đối với môn Ngữ văn: Tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

Đối với môn tiếng Anh: Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, kiểm tra, đánh giá với đủ 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết ngay trong các tiết dạy trên lớp; đưa kỹ năng Nghe thành kỹ năng bắt buộc của các bài kiểm tra định kỳ và cuối kỳ.

Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; chuẩn bị cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT. Đối với bài kiểm tra đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp

ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học, đảm bảo kết hợp một cách hợp lý giữa hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan, gồm các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu. Đối với bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học

Tiếp tục bổ sung thư viện câu hỏi và ngân hàng đề kiểm tra phục vụ dạy và học, kiểm tra của trường. Chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng của Bộ GDĐT về tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến, xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp, liên môn; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh phù hợp với tình hình thực tế;

Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động nhóm, dự án học tập, thuyết trình, hồ sơ học tập; tổ chức đánh giá định kỳ với các hình thức phù hợp như bài thực hành, bài kiểm tra tổng hợp, sản phẩm sáng tạo, dự án tích hợp. Chú trọng đánh giá các nội dung giáo dục tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đạo đức liêm chính, an toàn giao thông, giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

*** Kiểm tra định kỳ**

- Xây dựng lịch kiểm tra hợp lý, thực hiện nghiêm túc quy trình in sao đề đảm bảo an toàn, bảo mật; coi chấm, tổng hợp điểm, tính điểm chính xác.

- Môn KHTN: Kiểm tra thường xuyên có 04 lần điểm (*mỗi Nội dung lấy 01 lần điểm miệng, hoặc dự án học tập, bài thực hành... và 01 một điểm 15 phút chung, trong đó mỗi nội dung kiểm tra một bài 15 phút độc lập, lấy điểm trung bình cộng của ba nội dung*).

- Môn Lịch sử và Địa lý: Lấy 04 lần điểm (*mỗi nội dung lấy 02 lần điểm thường xuyên/ một học kỳ*).

- Môn Nghệ thuật: mỗi nội dung Âm nhạc, Mỹ thuật chọn 01 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên/một học kỳ.

- Đối với HĐTN hướng nghiệp; Giáo dục địa phương, dạy nội dung nào đánh giá nội dung đó. Trong mỗi kỳ chọn 02 kết quả bài kiểm tra thường xuyên.

*** Đánh giá đối với HS khuyết tật, HS miễn giảm phần thực hành với môn GDTC**

- Với HS gặp khó khăn trong học tập do mắc bệnh mãn tính, khuyết tật, tai nạn,... được miễn phần thực hành môn GDTC (*Có đơn miễn của HS hoặc có giấy xác nhận thương tật/dạng khuyết tật*). GV kiểm tra đánh giá thay thế phần thực hành bằng kiểm tra lý thuyết để có đủ số lần kiểm tra đánh giá.

- Với HS khuyết tật trí tuệ, dạng khuyết tật khác: GV thực hiện đánh giá theo các khoản 1,2,3 Điều 11 - Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT, Thông tư Quy định về đánh giá HS trung học cơ sở và THPT.

3.4. Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn

a. Nhiệm vụ

Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng đổi mới, thiết thực, hiệu quả, góp phần phát triển chuyên môn, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên.

Tăng cường sự trao đổi, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm trong dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục học sinh giữa các giáo viên cùng môn hoặc cùng khối lớp.

Góp phần triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

b. Chỉ tiêu

100% tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 2 tuần 1 lần, đảm bảo nội dung thiết thực, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

100% buổi sinh hoạt chuyên môn có kế hoạch cụ thể, tập trung vào việc phân tích bài học, chia sẻ kinh nghiệm dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

Mỗi tổ/nhóm chuyên môn xây dựng ít nhất 2 chuyên đề/năm về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

c. Giải pháp

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn tập trung chủ yếu tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong chuyên môn dạy và học, các bài dài, khó, các chuyên đề dạy học trải nghiệm, chuyên đề dạy học giáo dục STEM; bồi dưỡng học sinh giỏi, giải pháp nâng cao chất lượng các cuộc thi của giáo viên và học sinh. Thiết kế và điều chỉnh kế hoạch bài dạy (giáo án) theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tổ chức dạy học phát triển năng lực, ứng dụng công nghệ, dạy học tích hợp – phân hóa. Đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh. Phân tích hoạt động học của học sinh và giải pháp nâng cao hiệu quả học tập. Trao đổi kinh nghiệm về sử dụng học liệu số, thiết bị dạy học hiện đại. Các nội dung sinh hoạt cần phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm.

BGH, tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn kiểm tra kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch dạy học của giáo viên phải có nhận xét đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra.

(Có phụ lục các chuyên đề kèm theo)

3.5. Dạy học 2 buổi trên ngày

a. Nhiệm vụ

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nhằm thực hiện đầy đủ, hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Tăng thời lượng rèn luyện kỹ năng, tổ chức hoạt động trải nghiệm, hỗ trợ học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh khá giỏi, giáo dục toàn diện về tri thức, đạo đức, thể chất và năng lực sống.

Góp phần giảm áp lực học tập tại nhà, nâng cao chất lượng giáo dục và tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh trong công tác phối hợp giáo dục học sinh.

b. Chỉ tiêu

100% lớp học thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đúng quy định, đảm bảo sĩ số học sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với chương trình, thực tiễn và đặc điểm học sinh.

100% hoạt động giáo dục buổi 2 tập trung rèn luyện, củng cố kiến thức, phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

100% học sinh được tham gia đầy đủ các nội dung dạy học trong buổi 2, không gây quá tải, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi.

100% học sinh lớp 9 được ôn tập, tư vấn hướng nghiệp, định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp trong buổi học thứ 2.

c. Giải pháp

Ban Giám hiệu:

Tổ chức rà soát các điều kiện: đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị; nhu cầu, nguyện vọng của học sinh, phụ huynh để xây dựng kế hoạch dạy buổi 2/ngày, thành lập các câu lạc bộ văn hoá, thể thao, văn nghệ, nghiên cứu khoa học/stem, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp, giáo dục văn hóa đọc, giáo dục đạo đức, văn hóa học đường, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,... Đối với mỗi nội dung đều có kế hoạch, chương trình hành động cụ thể nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Cụ thể:

+ CLB Tiếng Anh có nhiệm vụ: tư vấn về chuyên môn, hướng dẫn, chia sẻ với thầy cô và các bạn học sinh về các phương pháp học tập, giảng dạy; tham gia các kì thi Olympic, dẫn chương trình, các hoạt động ngoại khoá, các buổi truyền thông, các tiết dạy có sử dụng song ngữ và thực hiện sinh hoạt định kì theo kế hoạch đã xây dựng.

+ CLB thể thao có nhiệm vụ: phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp trường; giao lưu, thi đấu với các trường bạn. Tham gia Hội khỏe Phù Đổng các cấp và thực hiện sinh hoạt định kì theo kế hoạch đã xây dựng.

+ CLB Âm nhạc có nhiệm vụ: Duy trì bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc huyện Điện Biên có nhiệm vụ: Phát hiện, bồi dưỡng những học sinh

có năng khiếu ca hát, tạo sân chơi cho những em học sinh yêu nhạc, giúp các em giải tỏa sau những giờ học tập căng thẳng và kết nối những học sinh có chung sở thích, tạo điều kiện để các em trở hết tài năng và rèn luyện phong thái trình diễn chuyên nghiệp, tự tin, tạo nguồn nhân lực tham gia các hội thi, phong trào văn nghệ do các cấp tổ chức. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giữa giờ nhằm bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn.

+ Câu lạc bộ Mỹ thuật có nhiệm vụ: Tổ chức hoạt động mỹ thuật gắn với tuyên truyền (*bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường...*); Tham gia triển lãm, hội thi mỹ thuật do trường, lớp hoặc địa phương tổ chức; Góp phần xây dựng trường học xanh – sạch – đẹp – thân thiện.

+ Câu lạc bộ Văn học có nhiệm vụ: Tạo sân chơi lành mạnh cho các em học sinh trong nhà trường có lòng yêu mến Văn học, phát huy khả năng sáng tạo, khả năng viết văn của học sinh thông qua các đợt phát động sáng tác thơ văn. Mở rộng kiến thức SGK và trang bị kiến thức chuyên sâu về văn học cho học sinh thông qua các buổi giao lưu, thảo luận. Khơi gợi niềm yêu thích và thói quen đọc sách cho các em học sinh. Đưa văn học gần gũi với thực tế đời sống bằng các chuyên đề ngoại khóa. Học sinh nhận ra giá trị đoàn kết thông qua việc sinh hoạt tập thể, sinh hoạt nhóm, qua đó học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong quá trình làm việc và học tập. Làm cho giáo viên luôn đổi mới PPGD và học sinh phải đổi mới cách học. Giáo viên dạy Văn trong tổ phải nghiên cứu đề xuất ý tưởng, kế hoạch hoạt động. Những học sinh tham gia phải có năng khiếu viết văn thơ, diễn xuất. Tổ chức các hoạt động học tập, rèn luyện, bồi dưỡng, vui chơi lành mạnh, giao lưu văn hoá văn nghệ, tổ chức các cuộc thi liên quan tới Văn học, văn nghệ. Bảo đảm mục đích của Câu lạc bộ trong suốt quá trình hoạt động và phát triển.

+ Câu lạc bộ Toán học có nhiệm vụ: Tạo môi trường học tập, rèn luyện, bồi dưỡng niềm yêu thích môn Toán cho học sinh; Khuyến khích học sinh tìm tòi, khám phá, phát triển tư duy logic, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề; Góp phần nâng cao chất lượng dạy – học môn Toán trong nhà trường; Phối hợp cùng các câu lạc bộ khác tổ chức hoạt động tích hợp (Toán – Tin học – Vật lý – STEM); Góp phần lan tỏa tình yêu Toán học, tinh thần học tập chăm chỉ trong toàn trường; Ứng dụng Toán học để giải quyết một số vấn đề thực tế trong cuộc sống học đường (thống kê, thiết kế, đo đạc, mô hình hóa...).

+ Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học/giáo dục Stem, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) có nhiệm vụ: Góp phần lan tỏa niềm say mê khoa học, hình thành tư duy sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh; tạo môi trường để học sinh rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, thực hành thí nghiệm và vận dụng kiến thức liên môn; phát hiện, khuyến khích và phát triển những ý tưởng khoa học kỹ thuật có giá trị, hướng tới các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường, tỉnh. Tiếp tục tổ chức giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật -

toán (STEM) trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ở những môn học liên quan theo Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH, ngày 14/08/2020 của Bộ Giáo dục - Đào tạo hướng dẫn một số nội dung thực hiện giáo dục STEM và tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục STEM trong trường trung học; Công văn số 2604/SGDĐT-GDTrH ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đối với giáo dục trung học năm học 2025-2026. Lựa chọn nội dung, hình thức giáo dục STEM. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM trong kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương; tiếp tục tổ chức bồi dưỡng giáo viên và CBQL về giáo dục STEM, xây dựng và thực hiện bài học STEM; kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm STEM và năng lực hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Tổ chức dạy học theo phương thức giáo dục STEM và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Thường xuyên đánh giá hiệu quả tổ chức dạy học 2 buổi/ngày qua kết quả học tập, sự phát triển năng lực, phẩm chất học sinh và phản hồi từ phụ huynh.

Điều chỉnh nội dung, phương pháp, thời lượng buổi chiều phù hợp với đặc điểm học sinh từng khối lớp, từng thời điểm trong năm học.

Tổ chuyên môn:

Xây dựng nội dung giảng dạy cho buổi hai sát với năng lực học sinh, phù hợp với mục tiêu giáo dục toàn diện.

Điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh.

Giáo viên chủ nhiệm:

Theo dõi nề nếp học tập và sinh hoạt của học sinh trong cả 2 buổi.

Phối hợp với gia đình học sinh trong việc quản lý, hỗ trợ học tập và rèn luyện.

Phụ huynh học sinh:

Phối hợp chặt chẽ với nhà trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết cho con em tham gia học 2 buổi/ngày

4. Công tác xã hội, tư vấn tâm lý học đường

a. Nhiệm vụ

Bồi dưỡng kỹ năng rà soát, phòng ngừa, phát hiện các trường hợp học sinh có khó khăn tâm lý - xã hội cần tư vấn, định hướng giáo dục cho học sinh có khó khăn về tâm lý, tình cảm, những bức xúc của lứa tuổi, những vướng mắc trong học tập, sinh hoạt,...hoặc những khó khăn học sinh, cha mẹ học sinh gặp phải trong quá trình học tập và sinh hoạt. Góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được nguyện vọng và ước mơ của mình.

Phòng ngừa, hỗ trợ can thiệp kịp thời, có hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện và phòng chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em.

Hỗ trợ và đề ra các giải pháp giúp học sinh rèn kỹ năng sống; tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe, thể chất và tinh thần, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện, tích cực, hỗ trợ sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và nhân cách cho học sinh.

b. Chỉ tiêu

100% học sinh được tiếp cận các hoạt động hỗ trợ tâm lý, công tác xã hội trong nhà trường thông qua các kênh chính thức (trực tiếp, hộp thư, điện thoại, tư vấn nhóm...).

Ít nhất 1 buổi tư vấn tập trung/tháng được tổ chức cho học sinh theo từng khối/lớp, xoay quanh các chủ đề: mối quan hệ bạn bè, gia đình, học tập, bảo vệ bản thân, định hướng giá trị sống...

100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có biểu hiện tâm lý đặc biệt được tư vấn, hỗ trợ can thiệp kịp thời.

c. Giải pháp

Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo CBGV, NV phụ trách Công tác xã hội, tâm lý học học đường xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn, triển khai thực hiện kế hoạch đến toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh. Tuyên truyền đầy đủ các văn bản chỉ đạo có liên quan.

Các tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường phát động nhiều phong trào, cách làm hay, gương người tốt - việc tốt để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của học sinh, thông qua đó giúp cho nhà trường can thiệp kịp thời những học sinh có vấn đề về tâm lý. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án “tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống trong học sinh, sinh viên” đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Tiếp tục đổi mới công tác chủ nhiệm trong việc quan tâm tới những biến đổi về tâm sinh lý HS nhằm phối hợp với Tổ tư vấn tâm lý để giúp đỡ và điều chỉnh kịp thời.

Lồng ghép hoặc bố trí các buổi HĐTT để tổ chức các hoạt động vui chơi, giáo dục kỹ năng nhằm giải tỏa những áp lực trong học sinh.

Giáo viên quan tâm công tác tự học tự bồi dưỡng để có khả năng giải đáp, tư vấn học sinh theo các nội dung trên, chủ yếu đưa ra những phân tích, lời khuyên thiết thực giúp các em giải tỏa được về mặt tinh thần, làm cho các em cảm thấy vững vàng, tự tin và trên cơ sở đó có thể tự giải quyết được vấn đề của mình theo hướng tích cực.

Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục trẻ em, học sinh bảo đảm an toàn, hiệu quả, đặc biệt là phòng ngừa tai nạn thương tích, đuối nước, tăng cường giáo dục sức khỏe tâm thần, tư vấn tâm lý học đường, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em, học sinh.

5. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số

5.1 Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

a. Nhiệm vụ

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản lý giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng và hiện đại hóa nền giáo dục.

Từng bước hình thành môi trường giáo dục số, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Phát triển năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong nhà trường.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; triển khai hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nhà trường, học bạ số, hồ sơ giáo viên điện tử. Phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành.

b. Chỉ tiêu

*** Chỉ tiêu chung**

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tập huấn hoặc tự bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản phục vụ dạy học và quản lý.

100% giáo viên sử dụng CNTT trong thiết kế bài giảng, quản lý lớp học, kiểm tra đánh giá và giao tiếp với học sinh, phụ huynh.

Đẩy mạnh các tiết dạy có ứng dụng công nghệ số hoặc học liệu điện tử (PowerPoint, video, phần mềm tương tác, thiết bị công nghệ, ứng dụng hỗ trợ...).

Cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng các nền tảng số trong công tác chuyên môn: kế hoạch giảng dạy, báo cáo, đánh giá, sinh hoạt tổ chuyên môn...

Tất cả các lớp học đều có hồ sơ giáo án điện tử, lưu trữ trên kho dữ liệu số của tổ/nhà trường.

*** Chỉ tiêu chuyển đổi số trong quản lý và điều hành**

90% văn bản hành chính, kế hoạch, thông báo được thực hiện và lưu trữ dưới dạng điện tử.

100% giáo viên sử dụng hệ thống quản lý nhà trường (như CSDL quốc gia về giáo dục, VnEdu...) để nhập điểm, nhận xét, cập nhật hồ sơ học sinh.

*** Chỉ tiêu trong dạy học và kiểm tra, đánh giá**

Tối thiểu 1 tiết học/tháng của mỗi giáo viên có sử dụng học liệu số (video, hình ảnh 3D, tài nguyên số hóa, mô phỏng, trò chơi học tập...).

100% giáo viên biết khai thác, sử dụng phần mềm hỗ trợ kiểm tra đánh giá (Google Form, Quizizz, Kahoot, Azota...)

c. Nội dung và các giải pháp thực hiện

*** Ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục:**

Triển khai sử dụng các phần mềm quản lý nhà trường (quản lý hồ sơ học sinh, điểm danh, thời khóa biểu, tài sản, tài chính, văn bản điều hành...).

Tăng cường sử dụng hệ thống quản lý học sinh trực tuyến, học bạ điện tử, sổ điểm điện tử theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề trên các nền tảng trực tuyến, đảm bảo đúng tiến độ và chuẩn hóa dữ liệu.

*** Ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập**

Khuyến khích giáo viên sử dụng các phần mềm, nền tảng dạy học trực tuyến, bài giảng điện tử, học liệu số (video, hình ảnh, mô phỏng...) vào bài dạy.

Phát triển kho học liệu số của nhà trường; chia sẻ tài nguyên giảng dạy giữa các tổ chuyên môn.

Hướng dẫn học sinh sử dụng các công cụ học tập trực tuyến, ứng dụng hỗ trợ học tập và kiểm tra đánh giá phù hợp theo độ tuổi.

*** Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số**

Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, giáo viên về kỹ năng sử dụng công nghệ, ứng dụng CNTT trong chuyên môn và quản lý.

Hỗ trợ học sinh nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin, hướng tới hình thành năng lực số cơ bản phục vụ học tập và đời sống.

*** Tăng cường cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin**

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phục vụ tập huấn giáo viên dưới hình thức trực tuyến; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, hướng đến mục tiêu “giáo dục trong mọi hoàn cảnh”.

Rà soát, nâng cấp hệ thống máy tính, đường truyền internet, thiết bị trình chiếu, phòng học thông minh... nhằm đáp ứng nhu cầu dạy– học tích hợp công nghệ.

Triển khai các giải pháp bảo mật dữ liệu, an toàn thông tin trong nhà trường.

*** Chuyển đổi số trong công tác truyền thông và kết nối:**

Cập nhật và duy trì hiệu quả hoạt động của cổng thông tin điện tử nhà trường, mạng xã hội giáo dục, fanpage... để truyền thông, kết nối với phụ huynh và cộng đồng. Tăng cường các hình thức liên lạc trực tuyến giữa giáo viên và phụ huynh qua ứng dụng sổ liên lạc điện tử, Zalo, Google Meet, Zoom...

Tổ chức thực hiện:

Ban giám hiệu: Xây dựng kế hoạch tổng thể, tổ chức chỉ đạo và giám sát thực hiện.

GV phụ trách CNTT: Hỗ trợ kỹ thuật, duy trì hạ tầng, tham mưu triển khai các ứng dụng công nghệ.

Tổ chuyên môn: Triển khai các giải pháp ứng dụng CNTT trong giảng dạy, chia sẻ học liệu số.

Giáo viên: Chủ động ứng dụng công nghệ vào dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý lớp học.

Học sinh: Học tập và rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ phục vụ học tập.

5.2. Triển khai thực hiện Khung năng lực số, Học bạ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đổi mới công tác quản lý giáo dục

a. Nhiệm vụ

Tăng cường năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

Triển khai hiệu quả Học bạ số nhằm nâng cao chất lượng quản lý, theo dõi và đánh giá quá trình học tập của học sinh.

Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và kiểm tra đánh giá nhằm đổi mới phương pháp giáo dục, tăng cường tính cá nhân hóa trong học tập.

b. Chỉ tiêu

* Chỉ tiêu về triển khai Khung năng lực số cho giáo viên và học sinh

100% cán bộ, giáo viên được phổ biến, tập huấn và tự đánh giá theo Khung năng lực số dành cho giáo viên do Bộ GD&ĐT ban hành.

100% tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực số theo lộ trình nâng cao dần cho giáo viên.

Tối thiểu 10% học sinh được tiếp cận và phát triển các thành phần trong Khung năng lực số dành cho người học (tìm kiếm thông tin, sử dụng học liệu số, bảo mật cá nhân, sử dụng công cụ học tập trực tuyến...).

* Chỉ tiêu về triển khai Học bạ số

100% học sinh từ khối lớp 1 đến khối lớp 7 được cập nhật thông tin học tập, rèn luyện trên hệ thống học bạ điện tử.

100% giáo viên sử dụng học bạ số để nhận xét, đánh giá học sinh định kỳ, đảm bảo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu chương trình GDPT 2018.

Ban giám hiệu kiểm tra, giám sát cập nhật học bạ số tối thiểu 2 lần/học kỳ để đảm bảo tiến độ và tính chính xác.

* Chỉ tiêu về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và hỗ trợ giảng dạy

100% cán bộ quản lý và giáo viên được tuyên truyền, cập nhật kiến thức cơ bản về ứng dụng AI trong giáo dục.

Tối thiểu 20% giáo viên biết sử dụng và ứng dụng AI trong giảng dạy và quản lý (ChatGPT, Copilot, Canva AI, đề xuất nội dung dạy học, đánh giá, lập kế hoạch...).

c. Nội dung và các giải pháp thực hiện

*** Khung năng lực số:**

Rà soát, đánh giá thực trạng năng lực số của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực số theo các cấp độ (cơ bản, trung bình, nâng cao) dựa trên Khung năng lực số của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phụ lục kèm theo Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh/phần thông và học viên giáo dục thường xuyên).

Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ trong xây dựng kế hoạch bài dạy, giảng dạy trực tuyến, tổ chức kiểm tra đánh giá và quản lý lớp học.

*** Học bạ số:**

Triển khai sử dụng hệ thống học bạ số theo hướng dẫn của cấp trên (lớp 6,7).

Tập huấn cho giáo viên về cách nhập, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu học bạ số.

Đảm bảo tính bảo mật và chính xác của dữ liệu; phối hợp với phụ huynh trong việc truy cập, theo dõi tiến độ học tập của học sinh thông qua học bạ số.

*** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI):**

Tìm hiểu, lựa chọn và triển khai các công cụ AI phù hợp trong công tác giảng dạy, học tập và quản lý (ví dụ: chấm điểm tự động, phân tích học tập cá nhân, trợ lý học tập ảo...).

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm về ứng dụng AI trong giáo dục.

Tăng cường hợp tác với các đơn vị công nghệ để cập nhật các giải pháp AI tiên tiến, phù hợp với điều kiện nhà trường.

Phân công thực hiện:

Ban giám hiệu: Chỉ đạo chung, xây dựng kế hoạch cụ thể, kiểm tra, giám sát việc triển khai.

Tổ chuyên môn: Tổ chức thực hiện các nội dung chuyên môn gắn với công nghệ số và AI; hỗ trợ giáo viên triển khai hiệu quả.

Giáo viên: Tham gia các lớp bồi dưỡng, áp dụng công nghệ vào giảng dạy, nhập dữ liệu học bạ số chính xác và đúng thời hạn.

GV phụ trách CNTT: Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật kịp thời cho giáo viên và học sinh.

Phụ huynh và học sinh: Phối hợp, tham gia khai thác hiệu quả các nền tảng số trong học tập và quản lý.

6. Hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị và công tác học sinh, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS.

6.1. Hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị và công tác học sinh

a. Nhiệm vụ

Nâng cao nhận thức chính trị: Giúp học sinh hiểu biết về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần hình thành nhân cách và phẩm chất công dân tốt.

Phát triển phẩm chất và năng lực: Thông qua các hoạt động giáo dục, học sinh rèn luyện các phẩm chất như yêu nước, tự hào dân tộc, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, sáng tạo và biết sống vì cộng đồng.

Tăng cường công tác học sinh: Đảm bảo môi trường học tập an toàn, lành mạnh, thân thiện, hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

b. Chỉ tiêu

100% học sinh được giáo dục tư tưởng chính trị thông qua các tiết học chính khóa, các buổi hoạt động ngoại khóa...

c. Nội dung và các giải pháp thực hiện

*** Nội dung**

- Giáo dục tư tưởng chính trị

Tích hợp trong các môn học: Lồng ghép nội dung giáo dục chính trị vào các môn học như Giáo dục công dân, Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn, Âm nhạc, Mỹ thuật... để học sinh tiếp cận một cách tự nhiên và sinh động.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: Thăm quan di tích lịch sử, bảo tàng để học sinh trực tiếp trải nghiệm và hiểu sâu hơn về lịch sử và văn hóa dân tộc.

- Công tác học sinh

Xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh: Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, vệ sinh sạch sẽ; tổ chức các hoạt động phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống tệ nạn xã hội.

Tổ chức các hoạt động phong trào: Thành lập các câu lạc bộ như Câu lạc bộ học thuật, Câu lạc bộ thể thao, Câu lạc bộ nghệ thuật... để học sinh tham gia, rèn luyện kỹ năng và phát triển năng khiếu.

Tổ chức các cuộc thi, hội thi: Tổ chức các cuộc thi về học tập, thể thao, văn nghệ, sáng tạo khoa học kỹ thuật... để học sinh thể hiện năng lực và đam mê của mình.

Tư vấn tâm lý học đường: Cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý cho học sinh gặp khó khăn trong học tập, tâm lý, gia đình... để hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện.

*** Giải pháp**

Thực hiện nghiêm túc Công văn 2611/SGDDĐT-QLĐT ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh, sinh viên;

Tập trung giáo dục cho thanh thiếu niên và nhi đồng ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng, khát vọng vươn lên; rèn luyện và vận dụng các kỹ năng cơ bản để giải quyết tốt các nhiệm vụ trong học tập và cuộc sống. Đánh giá thường xuyên và động viên kịp thời kết quả rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.

Tăng cường lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tăng cường mối liên hệ giữa gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ công tác Đoàn, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh với công tác giáo dục đạo đức, lối sống của nhà trường.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Bộ Quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT ban hành quy định Quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; xây dựng văn hóa trường học gắn với uy tín và thương hiệu của nhà trường; mỗi nhà trường xây dựng các hệ giá trị văn hóa, đạo đức cốt lõi là chuẩn mực để nhà giáo, cán bộ quản lý, HS phấn đấu; chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, xây dựng trường học đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, xây dựng “trường học hạnh phúc”. Phát huy tính gương mẫu của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và trách nhiệm của người đứng đầu nhà trường trong xây dựng văn hóa ứng xử, chú trọng xây dựng nhân cách người thầy. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 7/5/2018 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Sở GDĐT về khắc phục tình trạng vi phạm đạo đức nhà giáo.

6.2. Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS.

a. Nhiệm vụ

Giúp học sinh phát hiện năng lực, sở thích và định hướng nghề nghiệp phù hợp từ sớm.

Tạo nền tảng vững chắc cho việc lựa chọn ngành nghề, hướng đi trong tương lai.

Hỗ trợ học sinh và phụ huynh trong việc hiểu rõ các lựa chọn học tập và nghề nghiệp sau bậc THCS.

Định hướng phân luồng học sinh hợp lý, giảm thiểu tình trạng học sinh bỏ học hoặc không phù hợp với ngành nghề tương lai.

b. Chỉ tiêu

100% học sinh được tham gia các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo về nghề nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh Tiểu học và THCS.

c. Nội dung và các giải pháp thực hiện

*** Nội dung**

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo về nghề nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh Tiểu học và THCS.

Tổ chức tư vấn hướng nghiệp định kỳ cho học sinh lớp 8, lớp 9 nhằm chuẩn bị cho việc lựa chọn trường THPT, Trung tâm GDTX, trường nghề hoặc các hướng học khác.

Phối hợp với các chuyên gia hướng nghiệp, các đơn vị đào tạo nghề để tổ chức các buổi tham quan, trải nghiệm thực tế giúp học sinh hiểu rõ hơn về các ngành nghề.

Tuyên truyền, phổ biến thông tin về các chính sách phân luồng, các mô hình đào tạo nghề phù hợp với học sinh sau THCS.

Xây dựng và áp dụng các công cụ, bài kiểm tra, khảo sát về năng lực, sở thích để hỗ trợ học sinh nhận biết bản thân.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp.

*** Giải pháp**

- Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhu cầu, năng lực của học sinh và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường. Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm nghề nghiệp gắn với thực tiễn; chủ động tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục theo CTGDPT; khuyến khích học sinh tìm hiểu, khám phá ngành nghề thông qua mô hình giáo dục STEM/STEAM, câu lạc bộ, diễn đàn tư vấn hướng nghiệp.

- Tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương, tuyên truyền đến các bậc phụ huynh và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh.

- Tổ chức liên kết với các làng nghề, các đơn vị kinh doanh sản xuất, hợp tác xã, các mô hình kinh tế để cho học sinh tham quan học tập. Chỉ đạo giáo viên công nghệ làm tốt công tác tư vấn giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phối hợp với các trung tâm giáo dục thường xuyên – giáo dục nghề nghiệp, trường Cao đẳng kinh tế Điện Biên, trường cao đẳng Nghề tỉnh Điện Biên để tuyên truyền, vận động, định hướng nghề nghiệp cho học sinh khối 9 (*nếu không tham gia học tiếp THPT*) và phụ huynh cho con em theo học ở các trường nghề.

- Tiếp tục củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn hướng nghiệp. Đẩy mạnh công tác truyền thông, cung cấp thông tin thị trường lao động, ngành nghề đào tạo để hỗ trợ học sinh lựa chọn nghề nghiệp, định hướng phân luồng phù hợp sau THCS và THPT, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển bền vững nguồn lực địa phương.

7. Hoạt động giáo dục hòa nhập người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

a. Nhiệm vụ

Nhằm đảm bảo quyền học tập, phát triển toàn diện và cơ hội tham gia đầy đủ vào các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

b. Chỉ tiêu

- 100% học sinh khuyết tật có khả năng hòa nhập được đến lớp, được theo dõi, giúp đỡ (Toàn trường có 3 học sinh khuyết tật: 01 HS lớp 1, 01 HS lớp 5 và 01 HS lớp 6)

c. Giải pháp

Xây dựng kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ QL, GV, NV đáp ứng được nhiệm vụ giáo dục hòa nhập, tư vấn hỗ trợ các biện pháp, kỹ năng giáo dục hòa nhập hỗ trợ học sinh khuyết tật.

Thực hiện xây dựng kế hoạch bài dạy với yêu cầu cần đạt riêng cho đối tượng học sinh khuyết tật hòa nhập, đảm bảo phù hợp với nhận thức, năng lực của học sinh.

Đối với hồ sơ học sinh khuyết tật: Mỗi học sinh khuyết tật hòa nhập có kế hoạch giáo dục cá nhân riêng, giáo viên giảng dạy, phối hợp với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, gia đình người khuyết tật xây dựng trên cơ sở và khả năng, nhu cầu của học sinh khuyết tật.

Phối hợp với chính quyền địa phương, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, hội PHHS để trao đổi chia sẻ, hỗ trợ giúp đỡ học sinh khuyết tật được hòa nhập trong nhà trường và động viên các em cố gắng vươn lên trong HĐGD của nhà trường.

Tăng cường công tác truyền thông trong cộng đồng, huy động tối đa trẻ em khuyết tật trong độ tuổi ra lớp và thực hiện giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục; giảm thiểu sự phân biệt, kỳ thị đối với trẻ khuyết tật. Huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, mạnh trường quân, cá nhân thiện nguyện hỗ trợ các điều kiện để trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập tại trường.

Xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá, kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập phù hợp với từng dạng tật của học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế trường, lớp, địa phương và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2028 về Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

Kế hoạch cụ thể:

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
Tháng 8	- Điều tra nắm số liệu HS KT, HS có hoàn cảnh khó khăn. - Huy động trẻ ra lớp. - Biên chế HS vào lớp học.	BGH-GVCN
Tháng 9	- Xây dựng kế hoạch giáo dục HS KT, HS có hoàn cảnh khó khăn. - Kiểm tra CSVC, các điều kiện phục vụ giảng dạy và GD HSKT.	BGH-GVCN

	- Lập hồ sơ theo dõi, hợp phụ huynh.	
Tháng 9/2025-5/2026	- Theo dõi, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh khuyết tật theo từng tháng, định kỳ; học kỳ. - Theo dõi tình hình sức khỏe của học sinh theo từng tháng	BGH-GVCN, nhân viên y tế
Tháng 5/2026	- Tổng kết đánh giá công tác giáo dục, chăm sóc HS khuyết tật, HS có HCKK	BGH-GVCN

8. Hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh

a. Nhiệm vụ

Nâng cao nhận thức cho học sinh về vai trò, trách nhiệm trong việc bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh trật tự.

Bồi dưỡng ý thức yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tinh thần cảnh giác cách mạng và chấp hành pháp luật.

Trang bị kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kỹ năng tự bảo vệ bản thân và cộng đồng.

Góp phần xây dựng thế hệ học sinh có ý thức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ Tổ quốc khi cần thiết.

Giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện lồng ghép thông qua nội dung các môn học: Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân, Âm nhạc và Mỹ thuật; tập trung vào tinh thần đoàn kết, yêu nước của các thế hệ người Việt Nam trong dựng nước và giữ nước qua các thời kỳ cách mạng; bước đầu hiểu biết về phòng chống cháy nổ, an toàn cá nhân; pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền lợi, trách nhiệm của công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. *(Có phân phối chương trình nội bộ, kế hoạch giáo dục các môn học cụ thể kèm theo).*

b. Chỉ tiêu

100% CB, GV, NV, học sinh hiểu rõ về tầm quan trọng của GDQPAN, có trách nhiệm của từng cá nhân về công tác QPAN tại địa phương trong tình hình hiện nay.

100% giáo viên dạy học lồng ghép nội dung QPAN thông qua bài học ở các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD, Âm nhạc, Mỹ thuật.

100% học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, thi viết, vẽ tranh về nội dung quốc phòng an ninh.

c. Giải pháp

+ *Ban giám hiệu:* Xây dựng kế hoạch triển khai nội dung dạy học lồng ghép phù hợp với đặc điểm tình hình nhà trường và địa phương. Xây dựng hệ thống tài liệu và nguồn dữ liệu cho việc dạy học lồng ghép; Có kế hoạch kiểm tra tư vấn, các tổ nhóm chuyên môn và giáo viên thực hiện tốt các nội dung dạy học lồng ghép, tích hợp.

+ *Với tổ chuyên môn*: Triển khai kế hoạch của BGH tới tất cả các giáo viên dạy. Có giải pháp quản lý theo dõi tiến độ dạy học lồng ghép, tư vấn thường xuyên để các thành viên đảm bảo kế hoạch: Như lưu trữ hệ thống địa chỉ lồng ghép ở các bộ môn, kiểm tra việc thiết kế giáo án có nội dung lồng ghép, dự giờ các tiết có nội dung lồng ghép, xây dựng và triển khai một số chủ đề có nội dung lồng ghép (tối thiểu 01 chủ đề/học kỳ). Kiểm tra chuyên đề về dạy học lồng ghép tích hợp ở các nhóm chuyên môn và giáo viên bộ môn.

+ *Với nhóm chuyên môn*: Tổ chức sinh hoạt nhóm thống nhất nội dung và hình thức thực hiện trong từng bài theo quy định. Xây dựng một số chủ đề/bài dạy tích hợp (liên môn) có nội dung liên quan đến nội dung lồng ghép.

+ Với giáo viên: Tổ chức dạy học theo các địa chỉ lồng ghép đã thống nhất, mức độ lồng ghép phù hợp với đối tượng học sinh các lớp. Các nội dung lồng ghép phải được thể hiện rõ trong kế hoạch dạy học, tổ chức thành hoạt động: có hệ thống câu hỏi phù hợp, học sinh được quan sát trình bày, bày tỏ quan điểm hoặc rút kinh nghiệm bản thân, nội dung của các hoạt động giúp định hướng suy nghĩ và hành động tích cực trước các vấn đề đặt ra.

9. Công tác giáo dục học sinh

9.1. Chất lượng giáo dục học sinh

a. Nhiệm vụ

Huy động tối đa học sinh trong độ tuổi từ 6 đến 14 ra lớp và đảm bảo tỉ lệ chuyên cần trong các buổi học phần đầu không để tình trạng học sinh bỏ học.

Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, giảm tỉ lệ học sinh được đánh giá mức Chưa đạt về kết quả rèn luyện và kết quả học tập.

Phát hiện bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi cấp trường tham gia thi học sinh giỏi cấp xã/cụm, tỉnh (đối với lớp 9) đủ các môn học theo kế hoạch tổ chức của các cấp.

Giáo dục đạo đức, lối sống, phòng tránh các tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học cho 100% học sinh của nhà trường. Tiếp tục xây dựng nhà trường đoàn kết thân thiện, trong học sinh ***“kính thầy, mến bạn”*** giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống hàng ngày. Giáo dục, xây dựng đội ngũ học sinh ngoan, đoàn kết, chấp hành tốt nội quy trường lớp.

b. Chỉ tiêu

* *Đối với cấp tiểu học. (Có biểu chi tiết môn học)*

*** Khối 5** (01 học sinh khuyết tật không tham gia đánh giá).

[illegible]

2. Toán	HTT	8	18,6	11	23,4	10	25,6	10	20,8	14	30,4	53	23,7
	HT	35	81,4	36	76,6	29	74,4	38	79,2	32	69,6	170	76,3
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Ngoại ngữ 1	HTT					10	25,6	10	20,8	14	30,4	34	25,6
	HT					29	74,4	38	79,2	32	69,6	99	74,4
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
4. Đạo đức	HTT	9	21	12	25,5	11	28,2	11	22,9	14	30,4	57	25,6
	HT	34	79	35	74,5	28	71,8	37	77,1	32	69,6	166	74,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. TN&XH	HTT	9	21	11	23,4	11	28,2					31	23,8
	HT	34	79	36	76,6	28	71,8					98	76,2
	CHT	0	0	0	0	0	0					0	0
6. Lịch sử & Địa lý	x							10	20,8	14	30,4	24	25,5
	x							38	79,2	32	69,6	70	74,5
	x							0	0	0	0	0	0
7. Khoa học	x							10	20,8	14	30,4	24	25,5
	x							38	79,2	32	69,6	70	74,5
	x							0	0	0	0	0	0
8. Âm nhạc	HTT	8	18,6	11	23,4	10	25,6	10	20,8	14	30,4	53	23,7
	HT	35	81,4	36	76,6	29	74,4	38	79,2	32	69,6	170	76,3
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	HTT	8	18,6	11	23,4	10	25,6	11	22,9	14	30,4	54	24,1
	HT	35	81,4	36	76,6	29	74,4	37	77,1	32	69,6	169	75,9
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Mĩ Thuật	HTT	8	18,6	11	23,4	10	25,6	11	22,9	14	30,4	54	24,1
	HT	35	81,4	36	76,6	29	74,4	37	77,1	32	69,6	169	75,9
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. GDTC	HTT	9	21	12	25,5	11	28,2	11	22,9	14	30,4	57	25,4
	HT	34	79	35	74,5	28	71,8	37	77,1	32	69,6	166	74,6
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11. HĐTN	HTT	9	21	11	23,4	11	28,2	10	20,8	14	30,4	55	24,6
	HT	34	79	36	76,6	28	71,8	38	79,2	32	69,6	168	75,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12. Tin học	HTT					10	25,6	10	20,8	14	30,4	34	25,6
	HT					29	74,4	38	79,2	32	69,6	99	74,4
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
13. Môn Công nghệ	HTT					10	25,6	10	20,8	14	30,4	34	25,6
	HT					29	74,4	38	79,2	32	69,6	99	74,4
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0

b) Những phẩm chất chủ yếu:

Khối lớp			Khối 1				Khối 2				Khối 3				Khối 4				Khối 5				Tổng							
Tổng số HS			44				47				39				48				47				225							
HS Khuyết tật			1				0				0				0				1				2							
HS được đánh giá			43				47				39				48				46				223							
Phẩm chất	Mức đạt được																													
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
2. Nhân ái	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
3. Chăm chỉ	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
4. Trung thực	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
5. Trách nhiệm	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0

b) Những năng lực cốt lõi:

*** Khối 1, 2, 3, 4, 5:**

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Tổng số HS	44	47	39	48	47	225
HS Khuyết tật	1	0	0	0	1	2
HS được đánh giá	44	47	39	48	46	223

Năng lực	Mức đạt được																													
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt					
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung																														
1. Tự chủ và tự học	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
Năng lực đặc thù																														
1. Ngôn ngữ	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
2. Tính toán	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
3. Khoa học	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
4. Thẩm mỹ	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
5. Thể chất	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
6. Công nghệ	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0
7. Tin học	8	18,6	35	81,4	0	0	11	23,4	36	76,6	0	0	10	25,6	29	74,4	0	0	10	20,8	38	79,2	0	0	14	30,4	32	69,6	0	0

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1, 2, 3, 4, 5:

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	43	5	11,6	3	7	35	81,4	0	0	01 KT
2	47	8	17	3	6,4	36	76,6	0	0	
3	39	8	20,5	2	5,1	29	74,4	0	0	
4	48	5	10,4	5	10,4	38	79,2	0	0	
5	46	7	15,2	7	15,2	32	69,6	0	0	01 KT
Tổng	223	33	14,8	20	9	170	76,2	0	0	Trừ 02 hs KT

- Tỷ lệ học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 100% trở lên;

- 47/47 = 100% học sinh lớp 5 Hoàn thành chương trình tiểu học.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống và tham gia các hoạt động khác do nhà trường tổ chức thực hiện.

*** Đối với cấp THCS.**

Tổng số học sinh	Học tập								Rèn luyện							
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
354 (01 HS KT không đánh giá)	18	5,1	131	37,1	201	57	3	0,8	150	42,5	174	49,3	26	7,4	3	0,8

Chia theo khối lớp:

- *Kết quả rèn luyện:*

Khối	Số HS	Tốt	TL %	Khá	TL %	Đạt	TL %	Chưa đạt	TL %
6	93	34	36,6	48	51,6	8	8,6	3	3,2
7	85	33	38,8	46	54,1	6	7,1		
8	95	43	45,3	47	49,5	5	5,2		
9	80	40	50	33	41,25	7	8,75		
Tổng	353	150	42,5	174	49,3	26	7,4	3	0,8

*** Kết quả học tập:**

Khối	Số HS	Tốt	TL %	Khá	TL %	Đạt	TL %	Chưa đạt	TL %
------	-------	-----	------	-----	------	-----	------	----------	------

6	93	4	4,3	30	32,3	56	60,2	3	3,2
7	85	4	4,7	29	34,1	52	61,2		
8	95	6	6,3	37	39	52	54,7		
9	80	4	5,0	35	43,8	41	51,2		
Tổng	353	18	5,1	131	37,1	201	57	3	0,8

Tỷ lệ học sinh được xét công nhận Tốt nghiệp THCS: 80/80 đạt tỉ lệ 100%.

Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng 270/273 đạt tỉ lệ 98,9%; tỷ lệ HS lưu ban 1,1%.

Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT hoặc học nghề 65/80 đạt tỉ lệ 81,3%.

Khen thưởng

**** Cấp Tiểu học:***

Lớp	Học sinh xuất sắc	Học sinh HTT	Học sinh có thành tích được khen thưởng đột xuất
1,2,3,4,5	33=14,8%	20=9%	23 = 10,3%

**** Cấp THCS:***

Lớp	Học sinh xuất sắc	Học sinh giỏi	Học sinh có thành tích được khen thưởng đột xuất
6,7,8,9	03/353=0,8%	15/353=4,2%	35 = 9,9%

c. Giải pháp

Chỉ đạo cán bộ, giáo viên tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn về đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

Khi chấm bài kiểm tra nhất thiết phải có phần nhận xét, hướng dẫn, sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Việc cho điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh.

Giao số lượng học sinh từng lớp cho giáo viên chủ nhiệm, nhóm điều tra, thường xuyên kiểm tra sĩ số học sinh để nắm bắt tình hình.

Giáo viên làm tốt công tác chủ nhiệm, nắm bắt hoàn cảnh gia đình của từng học sinh để có giải pháp hỗ trợ kịp thời những học sinh hoàn cảnh quá khó khăn.

9.2. Công tác ôn HSG các cấp

a. Nhiệm vụ

Bồi dưỡng, bổ sung và nâng cao kiến thức cho học sinh có năng khiếu, củng cố đội ngũ học sinh mũi nhọn cho các môn học trong nhà trường. Nâng cao chất lượng đội tuyển học sinh giỏi, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

Rèn luyện kỹ năng làm các dạng bài tập trong SGK, sách bài tập và sách tham khảo cho học sinh, làm cơ sở chọn đội tuyển học sinh giỏi các cấp.

Nhằm chuẩn bị tốt kiến thức cho học sinh chuẩn bị tham gia các kỳ thi học sinh giỏi cấp trường, huyện, tỉnh trong năm học cũng như những năm tiếp theo.

Khích lệ tinh thần vượt khó vươn lên, trau dồi kiến thức nâng cao chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

Phát huy tối đa năng lực chuyên môn của giáo viên là tấm gương sáng tự học và sáng tạo cho học sinh noi theo.

b. Chỉ tiêu

*** Cấp THCS:**

- Thi học sinh giỏi các môn văn hóa các cấp:

+ *Cấp trường:*

Khối lớp			Mục tiêu
Khối 9 (80 HS)	Khối 8 (95 HS)	Khối 6, 7 (178 HS)	
Số môn: 3 môn (Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí). Số lượng dự thi: ít nhất 9 HS/khối, đạt tỷ lệ 11,4% (Trung bình mỗi môn 3 HS)	Số môn: 4 môn (Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí). Số lượng dự thi: ít nhất 12 HS/khối, đạt tỷ lệ 12,6% (Trung bình mỗi môn 3 HS)	Số môn: 3 môn (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh). Số lượng dự thi: ít nhất 12 HS/khối, đạt tỷ lệ 13,4% (Trung bình mỗi môn 4 HS)	Mục tiêu có 50% HS đạt điểm 10/20 điểm (tương đương 22 HS đạt giải)

+ *Cấp xã/cụm chuyên môn hoặc cụm trường*

Khối lớp			Mục tiêu
Khối 9 (80 HS)	Khối 8 (95 HS)	Khối 6, 7 (178 HS)	
Số môn: 3 môn (Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí). Số lượng dự thi: ít nhất 6 HS/khối, đạt tỷ lệ 7,6% (Trung bình mỗi môn 2 HS)	Số môn: 4 môn (Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí). Số lượng dự thi: ít nhất 8 HS/khối, đạt tỷ lệ 8,4% (Trung bình mỗi môn 2 HS)	Số môn: 3 môn (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh). Số lượng dự thi: ít nhất 9 HS/khối, đạt tỷ lệ 10,05% (Trung bình mỗi môn 3 HS)	Mục tiêu có 40% HS đạt điểm 10/20 điểm (tương đương 13 HS đạt giải)

+ **Cấp tỉnh:** 03 HS tham gia thi cấp tỉnh, mục tiêu có 2,5% HS đạt giải (tương đương 2 HS).

***Cấp tiểu học:** Các cuộc thi:

- Thi giáo viên dạy giỏi: toàn bộ giáo viên tham gia dự thi cấp trường(Tháng 3/2026).

- Thi Viết chữ đẹp cấp trường vào tháng 4/2026 (mỗi khối lớp có ít nhất 3 học sinh tham gia)

- Cuộc thi kể chuyện (Tháng 11/2025): gồm 25 học sinh mỗi khối gồm 5 học sinh tham gia .

Ngoài các cuộc thi trên, khuyến khích cho học sinh tham gia các sân chơi trực tuyến như: Violympic Toán Tiểu học, Trạng Nguyên Tiếng Việt, cuộc thi Internet Olympiads Of English (IOE); đấu trường VioEdu tỉnh Điện Biên năm học 2025-2026...Tham gia các cuộc thi khác: Viết thư quốc tế UPU, vẽ tranh ý tưởng trẻ thơ, sáng tạo thanh thiếu niên....

c. Giải pháp

* Đối với Ban giám hiệu

- Phân công giáo viên có năng lực, trình độ chuyên môn, tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm, có kinh nghiệm tham gia bồi dưỡng đội tuyển. Ban hành Quyết định giao nhiệm vụ cho giáo viên ôn thi học sinh giỏi ngay từ đầu năm học (QĐ kèm theo)

TT	Môn	Họ và tên giáo viên /nhóm giáo viên	Ghi chú
	Khối lớp 9		
1	KHTN (Vật lý)	Cà Văn Hồng	
	KHTN (Hoá học)	Hoàng Văn Bằng	
	KHTN (Sinh học)	Khúc Trọng Tiếp	
2	Ngữ văn	Đinh Thị Hiếu Lò Thị Điện	
3	Lịch sử & Địa lý (Lịch sử)	Nguyễn Ngọc Sơn	
	Lịch sử & Địa lý (Địa lý)	Vũ Mạnh Thắng	
	Khối lớp 8		
1	Toán	Phạm Xuân Hiệp	
2	KHTN (Vật lý)	Quàng Thị Thơ	
	KHTN (Hoá học)	Hoàng Văn Bằng	
	KHTN (Sinh học)	Cà Thị Khuyên	
3	Ngữ văn	Đinh Thị Hiếu	
4	Lịch sử & Địa lý (Lịch sử)	Lò Văn Luân	
	Lịch sử & Địa lý (Địa lý)	Vũ Ngọc Dũng	
	Khối lớp 7		
1	Toán	Lò Văn Diễm	
2	Ngữ văn	Lò Thị Điện	

3	Tiếng Anh	Ma Thị Tạo	
	Khối lớp 6		
1	Toán	Quảng Thị Thơ Lê Quang Đường	
2	Ngữ văn	Trần Thị Lan Hương	
3	Tiếng Anh	Ma Thị Tạo	

+ Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác bồi dưỡng của giáo viên dạy.

+ Cùng với tổ chuyên môn tham dự các buổi chuyên đề liên quan đến công tác bồi dưỡng HSG.

** Đối với Tổ chuyên môn*

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình bồi dưỡng từng bộ môn của tổ và theo dõi tiến độ chương trình bồi dưỡng.

- Theo dõi chất lượng các lớp bồi dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng đội tuyển, đánh giá, đề xuất lựa chọn, bổ sung học sinh.

** Đối với giáo viên*

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cụ thể, chi tiết, yêu cầu giáo viên dạy bồi dưỡng giảng dạy đảm bảo kiến thức chuyên sâu, đơn vị kiến thức từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp cho các em học sinh làm quen với nhiều dạng đề khác nhau.

+ Giáo viên dạy bồi dưỡng HS giỏi phải thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh hàng tuần. GV cần lựa chọn nội dung, phương pháp bồi dưỡng tốt nhất để bồi dưỡng HS đạt kết quả cao nhất.

+ Thực hiện giảng dạy nghiêm túc, chủ động tăng cường thời lượng ôn cho học sinh ngoài các buổi ôn theo kế hoạch của nhà trường. Thường xuyên trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp trong cùng trường và trường bạn.

+ Đảm bảo chất lượng, chỉ tiêu đề ra (Mỗi môn phải có ít nhất 2 đến 3 HS tham gia dự thi cấp xã/cụm chuyên môn, có HS đạt giải)

9.3. Phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông

a. Nhiệm vụ

Hỗ trợ học sinh nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản của các môn học theo yêu cầu cần đạt ở từng khối lớp.

Giảm tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình học kỳ và cả năm học.

Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng lực và phẩm chất theo yêu cầu của chương trình GDPT.

b. Chỉ tiêu

Kết thúc năm học 2025-2026 tỉ lệ học sinh đạt yêu cầu của chương trình GDPT sau khi tham gia phụ đạo là 99,2%

c. Giải pháp

Kết thúc học kì I, giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh có kết quả chưa đạt yêu cầu đối với các môn học để BGH phân công giáo viên phụ trách phụ đạo. Cụ thể như sau:

- Các môn học khác giáo viên tăng cường phụ đạo học sinh ngay trong tiết học, giờ truy bài và giao bài về nhà.

- Giao cho đ/c Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác phụ đạo hs yếu:

- + Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch phụ đạo, phân công giáo viên dạy.

- + Trực tiếp theo dõi, kiểm tra công tác phụ đạo học sinh yếu.

- Tổ chuyên môn: Theo dõi kết quả tiến bộ của học sinh yếu ở các môn học qua từng học kỳ, có giải pháp hỗ trợ giáo viên phụ đạo học sinh yếu.

- Đối với giáo viên tham gia phụ đạo (*theo phân công chuyên môn đối với từng giáo viên của nhà trường*)

- + Lập danh sách học sinh yếu do mình phụ trách, theo dõi sự tiến bộ của các em từ ý thức và qua kết quả học tập trong các giờ học.

- + Có trách nhiệm phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh thường xuyên động viên, khuyến khích các em học sinh tạo sự cố gắng thực sự trong học tập và rèn luyện ý thức đạo đức, nhằm kịp thời khắc phục tình trạng học sinh yếu kém, lười học tập...

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn theo dõi sát, hướng dẫn phương pháp tự học, rèn các kỹ năng tự luyện các dạng bài tập, kỹ năng vận dụng, thực hành... Tổ chức truy bài đầu giờ, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh để giúp đỡ học sinh yếu kém tiến bộ; thực hiện đôi bạn cùng tiến, nhóm bạn học tập...

- Thời gian thực hiện: Dự kiến thực hiện từ 19/01/2026 đến 14/5/2026 (*1 buổi/tuần, theo lịch nhà trường*).

9.4. Công tác ôn thi vào 10 THPT

a. Nhiệm vụ

Hệ thống và khắc sâu toàn bộ kiến thức cơ bản toàn cấp cho học sinh (*tập trung chủ yếu trong chương trình lớp 9*).

Rèn kỹ năng và phương pháp làm bài thi cho học sinh, sửa các lỗi học sinh hay mắc phải trong quá trình làm bài thi.

Giúp học sinh nắm chắc kiến thức cơ bản, kỹ năng làm bài thi, tạo tâm thế tự tin cho học sinh bước vào kì thi tuyển sinh lớp 10 THPT đạt kết quả tốt nhất.

b. Chỉ tiêu

Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS thi đỗ vào các trường THPT hoặc học nghề là 65/80 đạt tỉ lệ 81,3%.

c. Giải pháp

Ban Giám hiệu:

Tổ chức khảo sát, phân loại học sinh, phân chia lớp học.

Xây dựng kế hoạch tổ chức ôn tập.

Tổ chức lấy ý kiến cha mẹ học sinh, thống nhất kế hoạch ôn tập, tạo điều kiện để các em học sinh ôn tập tốt nhất.

Phân công giáo viên có trình độ chuyên môn tốt, có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy đặc biệt là công tác ôn thi vào 10 và thường xuyên dạy lớp 9 để trực tiếp giảng dạy.

Xây dựng thời khóa biểu ôn tập đảm bảo khoa học, cân đối, phù hợp giữa các môn.

Quản lý tốt nền nếp giảng dạy và học tập. Thực hiện nội dung, kế hoạch ôn tập, có đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện ôn tập .

Giáo viên:

Nghiêm túc thực hiện kế hoạch giảng dạy đã thống nhất trong tổ bộ môn; thời khóa biểu của nhà trường. Soạn giảng đầy đủ, có chất lượng.

Tổ chức ôn tập kỹ lưỡng, khắc phục tình trạng dạy nhanh dẫn đến việc học sinh không nắm vững kiến thức ảnh hưởng tới chất lượng học tập.

Tổ chức ôn tập cân quan tâm theo từng đối tượng học sinh để ôn tập cho sát khả năng tiếp thu của từng đối tượng.

Đối với phụ huynh và học sinh:

Thực hiện đúng các quy định của nhà trường.

Học sinh cần nỗ lực và tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc.

Phụ huynh tạo điều kiện để học sinh học đạt kết quả cao, phối hợp chặt chẽ với giáo viên trong quá trình giáo dục học sinh.

Học sinh tham gia đầy đủ các buổi học, nghiêm túc trong các giờ học để có kết quả tốt nhất.

Kế hoạch chi tiết

*** Đối tượng, số lớp và môn ôn thi.**

- Đối tượng:

Là học sinh lớp 9 năm học 2025- 2026 của nhà trường.

- Số lớp:

02 lớp (dự kiến khoảng trên 75 học sinh).

- Môn ôn thi:

Toán, Ngữ văn và môn thi thứ 3 đợi khi nào có thông báo của Sở GDĐT

*** Thời gian ôn thi.**

- Thời gian: Ôn trong học kỳ II

Từ ngày 19/01/2026 đến hết ngày 25/5/2026

- Số buổi: Thực hiện 2 buổi/tuần (chia đều số tiết cho 3 môn)

*** Phân công giáo viên ôn.**

STT	Họ và tên giáo viên ôn	Môn ôn thi	Ghi chú
1	Lê Quang Đường	Toán	
2	Đinh Thị Hiếu	Ngữ văn	
3			

10. Công tác huy động và duy trì số lượng

a. Nhiệm vụ

Huy động và duy trì số lượng học sinh đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao. Tổ chức triển khai kế hoạch huy động tối đa học sinh trong độ tuổi ra lớp.

Huy động toàn trường vào công tác vận động học sinh đến trường, ngăn chặn tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng.

Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nêu cao tinh thần trách nhiệm của gia đình học sinh trong việc quan tâm đến học tập và nhắc nhở học sinh đi học thường xuyên.

BGH kết hợp với GVCN trong việc chăm công theo dõi sự chuyên cần của học sinh, có biện pháp huy động kịp thời những học sinh có nguy cơ bỏ học.

b. Chỉ tiêu

Duy trì sĩ số học sinh đi học chuyên cần tối thiểu 95%/buổi học

Tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 3%

c. Giải pháp

GVCN theo dõi sĩ số lớp hàng ngày báo cáo ngay sau khi hết 15 phút truy bài; thường xuyên liên lạc với phụ huynh học sinh, phối hợp chặt chẽ không để tình trạng nghỉ học kéo dài dẫn đến bỏ học...

Báo cáo BGH về việc duy trì sĩ số lớp theo tuần, nhà trường có trách nhiệm tham mưu UBND xã vận động học sinh ra lớp. GVCN phải chủ động đến từng gia đình có con em bỏ học để tìm hiểu và có hướng giải quyết kịp thời

Giao chỉ tiêu duy trì sĩ số cho GVCN (Dự kiến ngày 15/9/2025 nhà trường tiến hành bàn giao sĩ số lớp cho GVCN, có biên bản kèm theo)

11. Công tác kiểm tra nội bộ

a. Nhiệm vụ

Đánh giá thực chất, chất lượng dạy của giáo viên, việc học của học sinh.

Chấn chỉnh kịp thời những sai phạm của giáo viên về chuyên môn đồng thời đây cũng là cơ hội để phát hiện bồi dưỡng giáo viên giỏi của trường.

Góp phần đánh giá, phân loại, bồi dưỡng giáo viên; ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, gian lận trong thi cử, đánh giá lấy điểm, xếp loại học sinh

Thực hiện công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

b. Chỉ tiêu

Kiểm tra chuyên đề đối với 100% giáo viên trong năm học.

Kiểm tra toàn diện 20% tổng số giáo viên .

Kiểm tra 100% giáo viên trong việc đánh giá xếp loại học sinh, lưu bài kiểm tra, lấy điểm bài kiểm tra học sinh.

Kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của 100% giáo viên.

Kiểm tra, kiểm kê thư viện 4 lần/1 năm học.

c. Giải pháp

Triển khai các văn bản của Sở, trường đến từng giáo viên.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra triển khai đến toàn thể CBGV- CNV.

Tổ chức học tập quy chế chuyên môn, nội quy trường học và quy chế hoạt động của trường cho 100% giáo viên.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường theo dõi, lên kế hoạch cụ thể cho từng tháng.

Chọn giáo viên có kinh nghiệm kiểm tra, đánh giá, làm công tác thanh tra.

12. Công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

a. Nhiệm vụ

Thực hiện nghiêm túc kế hoạch công tác khảo thí và kiểm định chất lượng theo hướng dẫn tại công văn số /SGDĐT-QLCL ngày / /2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên V/v hướng dẫn triển khai thực hiện một số nhiệm vụ Quản lý chất lượng năm học 2025-2026.

Tham gia dự thi, tổ chức nghiêm túc các kỳ thi học sinh giỏi, kiểm tra định kỳ, học kỳ trong năm học theo quy định của Sở GD&ĐT. Đánh giá xếp loại kết quả rèn luyện và kết quả học tập của học sinh nghiêm túc, khách quan, công bằng theo đúng thông tư của Bộ GD&ĐT.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học.

Duy trì các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, chuẩn quốc gia mức độ 1.

b. Chỉ tiêu

*** Thi học sinh giỏi**

- Thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 6,7,8,9 cấp trường: 45 học sinh dự thi, phần đầu đạt 22 giải.

- Thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 6,7,8,9 cấp xã/cụm chuyên môn (nếu có tổ chức): 32 học sinh dự thi, phần đầu đạt 13 giải

- Thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh: 03 HS dự thi và phần đầu đạt 02 giải.

*** Thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS**

Có ít nhất 01 dự án tham gia thi cấp huyện (Giao các đc Nụ, Mai, Tuyền)

*** Kiểm tra chất lượng học sinh**

100% học sinh tham gia kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và cuối kỳ.

100% các tiết kiểm tra được tổ chức coi, chấm, lưu trữ bài kiểm tra nghiêm túc theo hướng dẫn của các cấp quản lý giáo dục.

100% học sinh được đánh giá, xếp loại công bằng, chính xác.

*** Hội thao**

GV, NV, HS tham gia đầy đủ các cuộc thi do ngành phát động

c. Giải pháp

Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch khảo thí, kiểm định chất lượng triển khai đến giáo viên nhà trường, phân công giáo viên coi kiểm tra chéo để đảm bảo công bằng khách quan.

Kiểm tra việc coi, chấm bài, vào điểm của giáo viên nhà trường. Không để giáo viên vi phạm quy chế kiểm tra, đánh giá xếp loại học sinh sai quy định.

Tăng cường công tác ôn tập, bồi dưỡng học sinh giỏi, nâng cao chất lượng dạy của giáo viên và việc học của học sinh.

100% giáo viên và học sinh tham gia các hội thi, kì kiểm tra do phòng tổ chức.

Chất lượng đảm bảo theo chỉ tiêu phân chuyên môn.

14. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Tiếp tục nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia; nhà trường thực hiện đồng bộ các giải pháp:

+ Thường xuyên quan tâm tu sửa trường lớp, vệ sinh cảnh quan môi trường đảm bảo xanh, sạch đẹp.

+ Ban giám hiệu tích cực tham mưu với UBND xã Mường Luân bổ sung trang thiết bị phòng học bộ môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tiếp tục bố trí các phòng học phòng chức năng phù hợp đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

+ Chỉ đạo giáo viên, nhân viên phụ trách quản lý phòng bộ môn tích cực học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để khai thác hiệu quả phòng học bộ môn. Ban giám hiệu đánh giá hiệu quả việc sử dụng phòng bộ môn.

+ Huy động các nguồn lực chung tay cùng nhà trường để đầu tư kinh phí nâng cấp các phòng bộ môn dần đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục theo quy định, tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phân loại học sinh tổ chức các lớp học thêm theo đối tượng và nhu cầu của HS. Nâng cao chất lượng học sinh giỏi các cấp, chất lượng các hoạt động giáo dục khác như: giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), giáo dục hướng nghiệp... nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh.

Quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ. Tham gia sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn để điều chỉnh rút kinh nghiệm những hạn chế, tồn tại.

15. Thực hiện công khai theo thông tư thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Nhà trường Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT, Cụ thể:

Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế: Biểu mẫu 9, biểu mẫu 10.

Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng: Cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo.

Công khai cán bộ quản lý và nhân viên: Biểu mẫu 11,12.

Công khai thu chi tài chính: Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai

quản lý tài chính như: công khai học phí và các khoản thu khác từ người học; mức thu học phí và các khoản thu khác theo năm học; Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi thường xuyên, chi không thường xuyên từ nguồn ngân sách được cấp; Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

Hình thức công khai: tại bảng tin nhà trường, đăng tải trên Website của trường. thời điểm công khai tháng 6/2025 đối với năm học 2024-2025 và 6/2026 đối với năm học 2025-2026.

16. Công tác tuyên truyền về hoạt động GDDT

Thành lập tổ truyền thông về GDDT xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông năm học 2025 - 2026. Kết quả truyền thông nội bộ, tổ chức truyền thông gương người tốt, việc tốt trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động trong năm học:

Tăng cường tuyên truyền về giáo dục trên website của trường; đẩy mạnh công tác truyền thông về Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các bộ sách giáo khoa mới và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm.

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, cán bộ giáo viên và toàn thể học sinh, các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn xã về mục đích, ý nghĩa của việc duy trì và giữ vững, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia.

17. Công tác quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị

a. Nhiệm vụ

Triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các văn bản chỉ đạo năm học của các cấp quản lý giáo dục. Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo, thống kê.

Tổ chức kiểm tra, quản lý tốt các phần mềm thống kê, hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, CSDL Quốc gia về giáo dục

Quản lý chặt chẽ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường, không để tình trạng vi phạm ngày giờ công lao động, thực hiện tốt nền nếp chuyên môn, việc vào điểm và chấm công học sinh, việc ra vào lớp của giáo viên, học sinh.

Khai thác sử dụng và bảo quản tốt CSVC, thiết bị, lập hồ sơ theo dõi, thường xuyên kiểm kê, kiểm tra bảo dưỡng đảm bảo chất lượng, sử dụng lâu dài, hiệu quả, đồng thời tham mưu bổ sung thiết bị còn thiếu...

b. Chỉ tiêu

100% công văn hướng dẫn chỉ đạo đều được triển khai đến giáo viên, nhân viên nhà trường.

100% bảng biểu thống kê, báo cáo được nộp đúng thời gian quy định, đảm bảo nội dung và hình thức; số liệu chính xác.

100% các ngày học trong tuần được báo cáo sĩ số đúng giờ.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phân đấu được xếp loại từ khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng, giáo viên xếp loại từ khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp.

100% Giáo viên, học sinh có ý thức cao trong việc sử dụng, bảo quản CSVC và tài sản nhà trường.

c. Giải pháp

Ban giám hiệu thường xuyên truy cập hồ sơ công việc, tiếp nhận kịp thời văn bản chỉ đạo triển khai đến toàn thể giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường.

Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho thành viên ban giám hiệu phụ trách từng công việc; phân công nhiệm vụ cho các tổ trưởng tổng phụ trách đội

Ban giám hiệu, tổ trưởng thường xuyên theo dõi, đôn đốc chấn chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên thuộc quyền quản lý; quan tâm, động viên khích lệ kịp thời sự cố gắng của giáo viên, nhân viên.

18. Công tác bán trú, an toàn thực phẩm

a. Nhiệm vụ

Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về chế độ chính sách đối với học sinh bán trú, các văn bản chỉ đạo về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quy trình tổ chức bếp ăn tập thể trong nhà trường. Chăm sóc tốt sức khỏe cho học sinh ăn ở nội trú.

b. Chỉ tiêu

100% học sinh trong diện được hưởng chế độ bán trú được sắp xếp, bố trí chỗ ở và chăm sóc sức khỏe an toàn tại hai điểm trường.

100% bữa ăn của học sinh có đủ định lượng theo thực đơn, đảm bảo an toàn thực phẩm, đủ chất dinh dưỡng....

100% CBQL, giáo viên, nhân viên nhà trường tham gia quản trú có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

c. Giải pháp

Ban hành các quyết định; kế hoạch như ban quản trị đời sống, ban quản lý học sinh bán trú, ban giám sát bếp ăn tập thể, phân công lịch trực nội trú ...triển khai đến giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Thường xuyên kiểm tra đôn đốc chấn chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên quản trú, việc nấu ăn cho học sinh, việc xuất, nhập kho, lưu mẫu thực phẩm và chăm sóc sức khỏe học sinh ...

19. Về các tổ chức đoàn thể

19.1. Tổ chức Đảng

a. Nhiệm vụ

Tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ Đảng vào việc xây dựng nhà trường. Giữ vững chi Bộ Đảng trong sạch vững mạnh. Đảng viên trong chi bộ tự giác phấn đấu rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống. giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp với quần chúng, luôn là tấm gương sáng để mọi người noi theo.

Thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, gương mẫu tự học tập nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tham gia học tập đầy đủ các Nghị quyết Đảng của các cấp. Tuyên truyền sâu rộng tới đoàn viên hiểu được chủ trương, đường lối của đảng và nhà nước.

b. Chỉ tiêu

Chi bộ có 35 Đảng viên, 100% đảng viên chấp hành nghiêm túc đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, không vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình...

Phân đầu năm học 2025– 2026 kết nạp ít nhất 02 đảng viên, và 1 Đ/c được đi học lớp nhận thức về Đảng

c. Giải pháp

Triển khai kịp thời Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp, lên kế hoạch sinh hoạt theo định kỳ. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí Đảng viên.

Kiểm tra giám sát các kế hoạch đề ra. Tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm qua các đợt, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng.

19.2. Tổ chức đội TNTP Hồ Chí Minh- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

a. Nhiệm vụ

Tổ chức đội TNTPHCM phân đầu đạt Chi đội vững mạnh cấp cơ sở, tiên phong đi đầu trong các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt đoàn, đội thường xuyên. Tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ, TDTT, học hỏi kinh nghiệm giáo dục học sinh với đơn vị bạn.

b. Chỉ tiêu

Kết nạp 100% học sinh lớp 9 đủ tuổi có nguyện vọng vào đoàn.

100% học sinh tham gia đầy đủ, nhiệt tình các hoạt động do đội tổ chức

100% Giáo viên chủ nhiệm lớp quan tâm động viên, chỉ đạo học sinh tham gia hoạt động đội nghiêm túc.

c. Giải pháp

Xây dựng kế hoạch hoạt động của đội thiếu niên cụ thể hàng tuần, tháng và năm, trình phó hiệu trưởng phụ trách phê duyệt ngay từ đầu năm học.

Tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm qua các đợt thi đua. Thực hiện nghiêm túc công tác thi đua khen thưởng đoàn viên, đội viên.

20. Công tác phổ cập

a. Nhiệm vụ

Điều tra, bổ sung dữ liệu chính xác cập nhật thông tin kịp thời.

Điều tra trẻ sơ sinh 2025, điều tra cập nhật bổ sung dữ liệu phổ cập, XMC của toàn xã. Hoàn thiện hồ sơ duy trì chuẩn phổ cập xóa mù chữ của xã năm 2025.

b. Chỉ tiêu

Duy trì 100% học sinh hiện có của nhà trường, không để bỏ học giữa chừng nhằm duy trì vững chắc thành quả phổ cập đã đạt được.

- Tỷ lệ Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: $44/44 = 100\%$

- Tỷ lệ huy động từ 6- 10 tuổi: $225/225$ đạt tỷ lệ 100 %

- Tỷ lệ Huy động trẻ 11 tuổi vào học lớp 6: $84/86 = 97,67\%$ (còn 01 HS đang học lớp 5; 01 HS đang học lớp 2)

- Tỷ lệ Huy động trẻ 11 - 14 học THCS: $324/349 = 92,84\%$

- Tỷ lệ tốt nghiệp THCS được cấp bằng 100%.

Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 năm 2025; Duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 2.

c. Giải pháp

Ban chỉ đạo phổ cập của xã tổ chức họp thường xuyên theo định kỳ.

Lập kế hoạch duy trì phổ cập THCS mức độ 3 tháng 12/2025 và kế hoạch duy trì những năm tiếp theo.

Thực hiện tốt tham mưu với Đảng ủy– chính quyền đoàn thể của xã để duy trì sĩ số học sinh và vận động học sinh ra lớp.

21. Công tác xây dựng cảnh quan môi trường và bảo quản CSVC

a. Nhiệm vụ

Xây dựng cảnh quan trường, lớp thường xuyên xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Quản lý tốt mọi tài sản, CSVC, trang thiết bị dạy học, SGK, sách tham khảo của nhà trường không để thất thoát, lãng phí đảm bảo sử dụng lâu dài.

b. Chỉ tiêu

21/21 lớp=100% chăm sóc tốt vườn hoa, cây cảnh, vệ sinh trường lớp sạch sẽ an toàn, bảo quản tốt tài sản nhà trường

100% cán bộ GV-CNV có ý thức cao trong việc sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất trường học.

100% Giáo viên đăng ký và sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp

100% các loại hồ sơ sổ sách cán bộ thiết bị đầy đủ, đúng quy định, cập nhập thông tin kịp thời chính xác.

c. Giải pháp

Tổng phụ trách đội, phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh vệ sinh trường lớp, chăm sóc bồn hoa cây cảnh hàng ngày.

Giáo viên và học sinh khi sử dụng phòng bộ môn phải chấp hành nghiêm túc các nội quy của phòng và hướng dẫn của nhân viên thiết bị.

Ban giám hiệu phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong ban thường xuyên kiểm tra việc mượn sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên.

Thực hiện chế độ ghi sổ sách kịp thời báo cáo thường xuyên với BGH về tình trạng của các trang thiết bị để có kế hoạch bổ sung kịp thời. Thường xuyên kiểm tra, tình trạng, chất lượng, số lượng của đồ dùng dạy học.

22. Công tác giáo dục thể chất, Y tế học đường

a. Nhiệm vụ

Thực hiện tốt công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể dục giữa giờ.

Nâng cao hiệu quả hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe, tư vấn phòng chống dịch bệnh, phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường.

b. Chỉ tiêu

- Tổ chức lựa chọn, tập luyện, thành lập đoàn vận động viên tham gia Hội thi do ngành phát động.

- 100% học sinh của nhà trường được tham gia giáo dục thể chất.

- 100% học sinh có trang phục gọn gàng, có đồng phục học sinh sạch sẽ đảm bảo vệ sinh khi đến trường.

- 100% học sinh nội trú được chăm sóc sức khỏe, ăn ở hợp vệ sinh, ăn toàn.

c. Giải pháp

Thường xuyên kiểm tra chất lượng giáo dục thể chất; công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm trong trường học.

23. Hoạt động ngoài giờ, hoạt động xã hội

a. Nhiệm vụ

Thực hiện nghiêm túc quy định về tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp. Khuyến khích học sinh tham gia lành mạnh, tự giác, thông qua đó tuyên truyền giáo dục cho học sinh ý thức chấp hành quy định của pháp luật; phòng chống tệ nạn xã hội.

Tạo không khí vui tươi, sôi nổi thu hút học sinh đến trường học tập. Thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp giáo dục đạo đức, trí sáng tạo cho học sinh đồng thời phát huy tính tích cực trong các hoạt động của học sinh.

b. Chỉ tiêu

100% học sinh tham gia đầy đủ nhiệt tình có hiệu quả các nội dung triển khai theo chủ điểm từng tháng.

100% các buổi hoạt động ngoài giờ tổ chức nghiêm túc, đúng yêu cầu.

c. Giải pháp

Giáo viên chủ nhiệm đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, chỉ đạo học sinh tham gia các hoạt động của trường, lớp.

Các hoạt động phải được thông báo đến học sinh và giáo viên.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, khuyến khích học sinh tham gia đồng thời đánh giá, rút kinh nghiệm ngay sau khi kết thúc.

24S. Công tác tuyển sinh, hoạt động hè

a. Nhiệm vụ

Tổ chức tuyển học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 và rà soát huy động học sinh vào lớp 1. Thu nhận hồ sơ tuyển sinh ngay từ đầu tháng 6 và tổ chức xét duyệt hồ sơ nghiêm túc, phụ đạo học sinh yếu kém trong hè.

Tổ chức hoạt động hè an toàn lành mạnh bổ ích cho học sinh phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện của địa phương.

Phối hợp với gia đình quản lý các em học sinh để không bị kẻ xấu lợi dụng, lôi kéo tham gia vào các tệ nạn xã hội.

b. Chỉ tiêu

Huy động 100% học sinh hoàn thành chương trình giáo dục Mầm non vào học lớp 1 và hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6.

Tổ chức nghiêm túc dạy học phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm học.

c. Giải pháp

Phối kết hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương trong việc tuyển sinh. Bàn giao học sinh về sinh hoạt hè tại địa phương

BGH phân công trực và kiểm tra các lớp phụ đạo trong hè.

F. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Đối với Ban giám hiệu

1. Nhiệm vụ chung

Chỉ đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường theo kế hoạch đã đề ra; Phối hợp với đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể trong trường để thống nhất kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần...

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị theo kế hoạch đã được lập; tổ chức hội ý để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời khi có các hoạt động phát sinh hoặc các hoạt động bị chông chéo.

2. Hiệu trưởng

Quản lý, chỉ đạo chung và toàn diện các hoạt động của nhà trường theo các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng, trực tiếp phụ trách một số hoạt động giáo dục trong nhà trường; Lập kế hoạch đầu việc mình phụ trách; Chỉ đạo các đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng lập kế hoạch hoạt động chi tiết, cụ thể cho năm học, tháng, tuần theo quy định.

Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường theo kế hoạch, kịp thời điều chỉnh, tư vấn để bán sát và thực hiện tốt các nội dung, tiêu chí đã xây dựng trong kế hoạch năm học. Tham gia giảng dạy theo đúng quy định của Thông tư 05/2025/TT-BGD&ĐT quy định về định mức giảng dạy đối với CBQL.

3. Phó Hiệu trưởng

Giúp Hiệu trưởng phụ trách hoạt động chuyên môn; công tác Phổ cập giáo dục tiểu học, công tác chuyên môn, công tác bán trú, phát triển cơ sở vật chất, lập kế hoạch giáo dục năm học và kế hoạch đầu việc trong phạm vi công việc phụ trách.

Thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, nâng cao chất lượng đội ngũ, kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn, tăng cường các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển học sinh năng khiếu.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, truyền thông về giáo dục, phối hợp với các đoàn thể làm tốt công tác tư vấn chuyên môn cho nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học, xây dựng môi trường kết nối nội bộ.

Xây dựng chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tư vấn chuyên môn cho nhà trường, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, kiểm tra chuyên môn. Công tác phổ cập giáo dục, XMC. Tham mưu, tăng cường cơ sở vật chất cho dạy và học đảm bảo theo chuẩn quy định.

Kịp thời phản ánh với Hiệu trưởng những vấn đề phát sinh để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp và hiệu quả.

II. Đối với tổ chức đoàn thể trong nhà trường

Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động trong năm học cụ thể hàng tháng, tuần và trình ban giám hiệu phê duyệt trước khi tổ chức ít nhất một tuần.

Phối kết hợp để tổ chức các hoạt động trong nhà trường đạt hiệu quả, an toàn, tiết kiệm. Báo cáo kết quả sau khi tổ chức mỗi hoạt động.

III. Đối với các tổ chuyên môn

Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ theo năm, tháng, tuần (bao gồm kế hoạch khung thời gian và các kế hoạch đầu việc được BGH giao phụ trách).

Hướng dẫn giáo viên lập kế hoạch cá nhân (kế hoạch giáo dục và các hoạt động chuyên môn).

Trình BGH phê duyệt kế hoạch của tổ; kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ; kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong phạm vi của tổ mình phụ trách.

Giám sát và tư vấn cho giáo viên thực hiện các hoạt động chuyên môn theo nội dung kế hoạch đã xây dựng.

IV. Đối với giáo viên

Thực hiện kế hoạch theo sự phân công của ban giám hiệu. Xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ nhà trường hiện hành.

Căn cứ kế hoạch trên, các đồng chí cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể theo kế hoạch năm học, kế hoạch hằng tháng và mỗi tuần, tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. (Chú ý mỗi hoạt động đều phải xây dựng được: Nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp. Kế hoạch được trình, phê duyệt kịp thời (kế hoạch cả năm/ kế hoạch tháng/ kế hoạch tuần).

G. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH

Trong quá trình thực hiện, nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với tình hình thực tế.

Kế hoạch điều chỉnh bổ sung được thực hiện hằng tháng, hằng tuần, và kết thúc học kỳ.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026. Các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên căn cứ nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

Nơi nhận:

- UBND xã (b/c);
- BGH, GV, NV trường (t/h);
- Lưu: CM.

Mường Luân, ngày 03 tháng 9 năm 2025



Hồ Công Nam